

Lời cảm ơn

Trong suốt thời gian làm khoá luận em đã nhận được sự giúp đỡ rất tận tình và chu đáo của các thầy cô giáo đặc biệt là của giáo viên hướng dẫn, của các cấp các ngành địa phương, của cán bộ nhân viên sở du lịch Quảng Ninh và phòng văn hoá thông tin huyện Tiên Yên.

Em xin gửi lời cảm ơn đến cô Vũ Thị Thanh Hương là giáo viên hướng dẫn đã định hướng đề tài và chỉ dẫn cho em trong quá trình làm khoá luận.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các cô chú, các anh chị trên sở văn hoá thể thao và du lịch Quảng Ninh, phòng văn hoá thông tin và phòng tài nguyên môi trường huyện Tiên Yên đã tạo điều kiện giúp đỡ để em có thể hoàn thành khoá luận.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày thángnăm 200...

Sinh viên

Lê Thị Hà

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay, trên thế giới du lịch đang phát triển mạnh mẽ để trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng. Theo tổ chức du lịch thế giới, du lịch đang là ngành kinh tế mũi nhọn, năng động nhất trên thế giới, đem lại nguồn lợi đáng kể và đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển của nền kinh tế thế giới những năm qua.

Ở Việt Nam, nhà nước ta đã xác định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, quan trọng mang nội dung văn hoá sâu sắc có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của các tầng lớp nhân dân, của khách du lịch trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và tăng thu nhập cho nền kinh tế quốc dân. Bên cạnh đó, du lịch càng góp phần thúc đẩy giao lưu, phát triển văn hoá giữa các vùng, miền trong cả nước và quốc tế.

Quảng Ninh là một tỉnh địa đầu của tổ quốc, là một trung tâm, một trọng điểm, một tỉnh trong vùng tam giác kinh tế phía Bắc. Không chỉ có những lợi thế để phát triển một nền kinh tế mạnh mẽ, Quảng Ninh còn có tiềm năng để phát triển du lịch. Với vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới, với nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Cô Tô, bãi Dài (huyện Vân Đồn)... với chùa thiêng Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long Tiên, đình Quan Lạn, đình Trà Cổ... đã thực sự trở thành điểm đến có sức hút đặc biệt đối với du khách.

Là một huyện miền núi thuộc tỉnh Quảng Ninh, Tiên Yên cũng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để đánh giá đúng thực trạng nguồn tài nguyên du lịch huyện và thông qua đó đưa ra những ý kiến, những đề xuất, những kiến nghị và các giải pháp để có thể đưa Tiên Yên trở thành một khu du lịch gắn với Quảng Ninh, để hoạt động du lịch ở Quảng Ninh ngày càng mở rộng và phát triển.

Trước thực tế nói trên và với mong muốn Tiên Yên thực sự trở thành

một điểm đến du lịch, tác giả đã lựa chọn đề tài “Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh” cho khoá luận.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích:

Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích tiềm năng du lịch và đưa ra các giải pháp các định hướng phát triển du lịch trên địa bàn huyện nhằm tạo ra một số sản phẩm du lịch độc đáo có sức hút mạnh mẽ đối với du khách, đồng thời đóng góp vào sự phát triển du lịch của tỉnh, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn hàng đầu.

Nhiệm vụ:

Hệ thống hoá cơ sở lí luận về du lịch.

Phân tích tiềm năng để phát triển du lịch ở huyện.

Đề xuất một số định hướng và giải pháp để thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển tại Tiên Yên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu hoạt động du lịch tại tỉnh Quảng Ninh

Nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch ở huyện Tiên Yên

4. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết mục đích của khoá luận tác giả đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu

Phương pháp khảo sát thực địa

Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Phương pháp phân tích tổng hợp và phân tích số liệu

5. Kết cấu của khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục khoá luận gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận của đề tài.

Chương 2: Tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên.

Chương 3: Định hướng và một số giải pháp phát triển du lịch.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Quan niệm về du lịch

Thuật ngữ “du lịch” bắt nguồn từ tiếng Pháp: “Tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “touriste” là người đi dạo chơi. Ngày nay, tuy du lịch đã thực sự phát triển nhưng vẫn còn rất nhiều quan niệm khác nhau về du lịch.

Theo liên hiệp quốc tế các tổ chức lữ hành chính thức(International Union of official Travel Organization: IUOTO): “Du lịch được hiểu là hành động du hành đến một nơi khác với địa điểm cư trú thường xuyên của mình nhằm mục đích không để làm ăn, tức không phải để làm một nghề hay một việc kiếm tiền sinh sống...”

Tại hội nghị liên hiệp quốc tế về du lịch họp tại Roma - Italia (21/8-5/9/1963), các chuyên gia đưa ra định nghĩa về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hoà bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Theo các nhà du lịch Trung Quốc thì: “Hoạt động du lịch là tổng hoà hàng loạt quan hệ và hiện tượng lấy sự tồn tại và phát triển kinh tế, xã hội nhất định làm cơ sở, lấy chủ thể du lịch, khách thể du lịch và trung gian du lịch làm điều kiện”.

Theo Pirogionic 1985 thì: “Du lịch là một dạng hoạt động của dân cư trong thời gian rỗi liên quan với sự di chuyển và lưu lại tạm thời bên ngoài nơi cư trú thường xuyên nhằm nghỉ ngơi, chữa bệnh, phát triển thể chất và tinh thần, nâng cao trình độ nhận thức văn hoá hoặc thể thao kèm theo việc tiêu thụ những giá trị về tự nhiên, kinh tế và văn hoá”.

Theo nhà kinh tế học người Áo Jozep Stander nhìn từ góc độ du khách thì: “Khách du lịch là loại khách đi tham ý thích ngoài nơi cư trú thường

xuyên để thoả mãn sinh hoạt cao cấp mà không theo đuổi mục đích kinh tế”

Nhìn từ góc độ thay đổi về không gian của du khách: “Du lịch là một trong những hình thức di chuyển tạm thời từ một vùng này sang một vùng khác, từ một nước này sang một nước khác mà không thay đổi nơi cư trú hay nơi làm việc”.

Nhìn từ góc độ kinh tế: “Du lịch là một ngành kinh tế, dịch vụ có nhiệm vụ phục vụ cho nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ ngơi, có hoặc không kết hợp với các hoạt động chữa bệnh, thể thao, nghiên cứu khoa học và các nhu cầu khác”.

Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định. Luật du lịch Việt Nam

1.2 Vai trò của hoạt động du lịch trong sự phát triển kinh tế - xã hội

Ngành kinh doanh du lịch đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Nó không những đáp ứng nhu cầu tinh thần, vật chất của con người mà còn là một bộ phận không thể thiếu trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng, một đất nước.

Hoạt động du lịch phát triển sẽ góp phần giải quyết được công ăn việc làm cho một số lượng lớn lao động, mang lại lợi ích cho chính bản thân họ và cộng đồng, giúp họ ngày càng nâng cao mức sống cả về vật chất cũng như tinh thần. Đồng thời góp phần hoàn thành mục tiêu, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước là: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”.

Hoạt động du lịch sẽ góp phần bảo vệ phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và ngược lại bảo vệ, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là góp phần làm cho hoạt động du lịch phát triển. Ngày nay nhu cầu về du lịch văn hoá, du lịch nhân văn, du lịch trở về cội nguồn đang trở thành một nhu cầu cần thiết và chính đáng của con người thì mối quan hệ trên ngày càng trở nên gắn bó

khăng khít với nhau.

Hoạt động du lịch phát triển sẽ góp phần tích cực vào bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên. Bởi vì sự tồn tại của du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường và cảnh quan, đồng thời đây cũng chính là mục tiêu của hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch phát triển còn góp phần giáo dục con người về tình yêu thiên nhiên, biết quý trọng những giá trị truyền thống. Qua đó mỗi chúng ta có dịp thể hiện lòng tự hào dân tộc, tình yêu đất nước, con người và môi trường xung quanh. Đây chính là yếu tố quyết định vì có yêu đất nước, tự hào về dân tộc thì con người mới có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy truyền thống quý giá tốt đẹp của dân tộc.

1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch

1.3.1 Tài nguyên du lịch

1.3.1.1 Khái niệm tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch” - Luật du lịch Việt Nam

Tài nguyên du lịch bao gồm các thành phần và những kết hợp khác nhau của cảnh quan tự nhiên cùng cảnh quan nhân văn có thể sử dụng cho dịch vụ du lịch và thoả mãn nhu cầu về chữa bệnh, nghỉ ngơi, tham quan hay du lịch.

Về thực chất, tài nguyên du lịch là các điều kiện tự nhiên, các đối tượng văn hoá lịch sử đã bị biến đổi ở mức độ nhất định dưới ảnh hưởng của nhu cầu xã hội và khả năng sử dụng trực tiếp vào mục đích du lịch.

Trong ngành du lịch, đối tượng lao động là tài nguyên du lịch, còn dịch vụ du lịch được thể hiện như sản phẩm của quá trình lao động. Nét đặc trưng của ngành du lịch là sự trùng khớp về thời gian giữa quá trình sản xuất và quá

trình tiêu thụ dịch vụ du lịch.

Tài nguyên du lịch là một phạm trù lịch sử, bởi vì những thay đổi cơ cấu và lượng nhu cầu đã lôi cuốn vào hoạt động du lịch những thành phần mới mang tính chất tự nhiên cũng như tính chất văn hoá lịch sử. Nó là một phạm trù động, bởi vì khái niệm tài nguyên du lịch thay đổi tuỳ thuộc vào sự tiến bộ kỹ thuật, sự cần thiết về kinh tế, tính hợp lý và mức độ nghiên cứu. Khi đánh giá tài nguyên và xác định hướng khai thác chung ta cần phải tính đến những thay đổi trong tương lai về nhu cầu cũng như khả năng kinh tế - kỹ thuật khai thác các loại tài nguyên du lịch mới.

Mức độ khai thác tiềm năng tài nguyên du lịch phụ thuộc vào khả năng nghiên cứu, phát hiện và đánh giá các tiềm năng tài nguyên vốn còn tiềm ẩn, yêu cầu phát triển các sản phẩm du lịch, trình độ phát triển khoa học công nghệ nhằm tạo ra các phương tiện để khai thác các tiềm năng tài nguyên. Sự mở rộng các tài nguyên du lịch thường phụ thuộc rất nhiều vào yêu cầu phát triển du lịch, vào những tiến bộ khoa học kỹ thuật, vào sự đầu tư, vào các sáng kiến và sở thích của con người.

1.3.1.2 Đặc điểm tài nguyên du lịch

Khối lượng các nguồn tài nguyên và diện tích phân bố các nguồn tài nguyên là cơ sở cần thiết để xác định khả năng khai thác và tiềm năng của hệ thống lãnh thổ nghỉ ngơi, du lịch.

Thời gian có thể khai thác (như thời kỳ khí hậu thích hợp, mùa tắm, thế nằm của lớp tuyết phủ ổn định) xác định tính mùa của du lịch, nhịp điệu dòng du lịch.

Tính bất biến về mặt lãnh thổ của đa số các loại tài nguyên tạo nên lực hút cơ sở hạ tầng và dòng du lịch tới nơi tập trung các loại tài nguyên đó.

Vốn đầu tư tương đối thấp và giá thành chi phí sản xuất không cao cho phép xây dựng tương đối nhanh chóng cơ sở hạ tầng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cũng như khả năng sử dụng độc lập từng loại tài nguyên.

Khả năng sử dụng nhiều lần tài nguyên du lịch nếu tuân theo các qui

định về sử dụng tự nhiên một cách hợp lý, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chung.

1.3.1.3 Phân loại tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch có thể phân thành 2 nhóm là: tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn

A. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta. Thiên nhiên là môi trường sống của con người và mọi sinh vật trên trái đất, nhưng chỉ có các thành phần và các thể tổng hợp tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp được khai thác sử dụng tạo ra các sản phẩm du lịch mới được xem là tài nguyên du lịch tự nhiên.

Trong số các thành phần của tự nhiên, có một số thành phần chính có tác động trực tiếp và thường xuyên đối với các hoạt động du lịch, và trong số các thành phần này cũng chỉ có một số yếu tố nhất định được khai thác như nguồn tài nguyên du lịch. Các thành phần tự nhiên tạo nên tài nguyên du lịch tự nhiên thường là địa hình, khí hậu, thủy văn và sinh vật.

Các dạng tài nguyên luôn gắn bó với nhau, có quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau và cùng được khai thác một lúc tạo nên sản phẩm du lịch hoàn chỉnh, có tính tổng quát cao. Vì thế các tài nguyên du lịch tự nhiên cần xem xét dưới góc độ tổng hợp của các dạng tài nguyên với nhau tại một đơn vị lãnh thổ có không gian và thời gian xác định

Địa hình

Địa hình hiện tại của bề mặt trái đất là sản phẩm của các quá trình địa chất lâu dài (nội sinh, ngoại sinh). Trong chừng mực nhất định, mọi hoạt động sống của con người trên một lãnh thổ đều phụ thuộc vào địa hình. Tất nhiên tùy thuộc vào mục đích hoạt động kinh tế mà sự phụ thuộc đó ít hay nhiều hay phụ thuộc vào khía cạnh này hay khía cạnh khác của địa hình. Đối với hoạt động du lịch, điều quan trọng nhất là đặc điểm hình thái địa hình, nghĩa là các dấu hiệu bên ngoài của địa hình và các dạng đặc biệt của địa hình

có sức hấp dẫn khai thác cho du lịch.

Các đơn vị hình thái chính của địa hình là núi đồi và đồng bằng, chúng được phân biệt bởi độ chênh của địa hình. Khách du lịch thường ưa thích những nơi có phong cảnh đẹp và đa dạng, những vùng có nhiều đồi núi, và thường tránh những nơi bằng phẳng mà họ cho là tẻ nhạt, không thích hợp với du lịch.

Địa hình đồng bằng tương đối đơn điệu về ngoại hình, một cách trực tiếp ít gây những cảm hứng nhất định cho tham quan du lịch. Song đồng bằng là nơi thuận lợi cho hoạt động kinh tế, cho canh tác nông nghiệp nên từ lâu ở đây là nơi quần cư đông đúc. Thông qua các hoạt động nông nghiệp, văn hoá của con người địa hình đồng bằng có ảnh hưởng gián tiếp đến du lịch.

Địa hình vùng đồi thường tạo ra không gian thoáng đãng và bao la. Do sự phân cắt của địa hình nên có tác động mạnh đến tâm lý du lịch dã ngoại, rất thích hợp với các loại hình cắm trại, tham quan. Vùng đồi là nơi tập trung dân cư tương đối đông đúc, lại là nơi có những di tích khảo cổ và tài nguyên văn hoá, lịch sử độc đáo, tạo khả năng phát triển loại hình du lịch tham quan theo chuyên đề.

Trong các dạng địa hình thì miền núi có ý nghĩa lớn nhất đối với du lịch, đặc biệt là các khu vực thuận lợi cho việc tổ chức thể thao mùa đông, các nhà an dưỡng, các trạm nghỉ, các cơ sở du lịch, các khu vực có khả năng chuyển tiếp lộ trình, các đỉnh núi cao có thể nhìn toàn cảnh và thích hợp với môn thể thao leo núi... Trong tài nguyên du lịch miền núi, cùng với địa hình, khí hậu và thực động vật tạo nên tài nguyên du lịch tổng hợp có khả năng tổ chức các loại hình du lịch ngắn ngày cũng như dài ngày.

Ngoài các dạng địa hình chính với các ý nghĩa phục vụ du lịch khác nhau, cần chú ý đến các kiểu địa hình đặc biệt có giá trị rất lớn cho tổ chức du lịch:

Địa hình Karst: là địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hoà tan (đá vôi, đá phấn, thạch cao, muối mỏ...). Ở Việt Nam

chủ yếu là đá vôi. Một trong những kiểu Karst được quan tâm nhất đối với du lịch là các hang động Karst. Cảnh quan của hang động Karst rất hấp dẫn khách du lịch. Đây chính là một nguồn tài nguyên du lịch, một loại hàng hoá đặc biệt có thể sinh lợi dễ dàng.

Các kiểu địa hình ven bờ các kho chứa nước lớn (đại dương, biển, sông, hồ...) có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch. Nói chung địa hình ven bờ có thể khai thác phục vụ du lịch với các mục đích khác nhau: từ tham quan du lịch theo chuyên đề đến nghỉ ngơi an dưỡng, tắm biển, thể thao nước. Có rất nhiều chỉ tiêu để đánh giá mức độ thuận lợi của bãi biển đối với các hoạt động du lịch như chiều dài, chiều rộng, độ mặn của cát, độ dốc độ trong của nước, độ mặn...

Khí hậu

Khí hậu là thành phần quan trọng của môi trường tự nhiên đối với hoạt động du lịch. Nó thu hút người tham gia và người tổ chức du lịch qua khí hậu sinh học. Trong các chỉ tiêu khí hậu, đáng chú ý là hai chỉ tiêu chính: nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như gió, lượng mưa, thành phần lý hoá của không khí, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

Điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến đi hoặc các hoạt động dịch vụ du lịch. Ở mức độ nhất định, cần phải lưu ý đến những hiện tượng thời tiết đặc biệt làm cản trở kế hoạch du lịch. Đó là những sự cố đáng kể ở Việt Nam như bão trên các vùng biển duyên hải, hải đảo, gió mùa đông bắc...

Du lịch có tính mùa rõ rệt. Điều đó bắt nghĩa là bởi tính mùa của khí hậu. Các mùa du lịch khác nhau trên thế giới có mùa du lịch khác nhau do ảnh hưởng của các yếu tố khí hậu. Phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, hoạt động du lịch có thể diễn ra quanh năm hoặc trong vòng vài tháng.

Mùa du lịch cả năm thích hợp với loại hình du lịch chữa bệnh ở suối khoáng, du lịch trên núi cả mùa đông và mùa hè. Ở vùng khí hậu nhiệt đới

như ở các tỉnh phía Nam nước ta mùa du lịch hầu như cả năm.

Mùa đông là mùa du lịch trên núi. Sự kéo dài của mùa đông có ảnh hưởng tới khả năng phát triển du lịch thể thao mùa đông và các loại hình du lịch mùa đông khác.

Mùa hè là mùa du lịch quan trọng nhất vì có thể phát triển nhiều loại hình du lịch biển, các loại du lịch trên núi và khu vực đồng bằng đồi. Khả năng du lịch ngoài trời về mùa hè rất phong phú và đa dạng.

Nguồn nước

Tài nguyên nước bao gồm nước chảy trên mặt và nước ngầm. Đối với du lịch thì nguồn nước mặt có ý nghĩa rất lớn. Nó bao gồm đại dương, biển, hồ, sông, hồ chứa nước nhân tạo, suối, Karst, thác nước, suối phun...Tuỳ theo thành phần lý hoá của nước, người ta phân ra nước ngọt, lục địa và nước mặn. Nguồn nước trên mặt không chỉ cung cấp cho nhu cầu của khu du lịch mà còn tạo các loại hình du lịch đa dạng như hồ, du lịch sông nước...

Trong tài nguyên nước cần phải nói đến nguồn nước khoáng. Đây là nguồn tài nguyên có giá trị cho du lịch an dưỡng và chữa bệnh. Nước khoáng là nước thiên nhiên (chủ yếu ở dưới đất) chứa một thành phần vật chất đặc biệt (các nguyên tố hoá học, các khí, các nguyên tố phóng xạ...) hoặc có một số tính vật lý (nhiệt độ, độ PH...) có tác dụng đối với sức khoẻ con người.

Một trong những công dụng quan trọng nhất của nước khoáng là để chữa bệnh. Để thuận lợi cho việc chữa bệnh người ta phân loại nước khoáng thành các nhóm chủ yếu sau:

Nhóm nước khoáng cacbonic là nhóm nước khoáng quý có công dụng giải khát rất tốt và chữa bệnh như cao huyết áp, xơ vữa động mạch nhẹ, các bệnh về thần kinh ngoại biên.

Nhóm nước khoáng silic có công hiệu đối với các bệnh về tiêu hoá, thần kinh, thấp khớp, phụ khoa.

Nhóm nước brom-iốt-bo có tác dụng chữa bệnh ngoài da, phụ khoa, thần kinh.

Ngoài ba nhóm nước khoáng trên còn có một số nhóm nước khoáng khác (sunuahydro, asen-fluo, phóng xạ) cũng có giá trị đối với du lịch nghỉ ngơi và chữa bệnh.

Sinh vật

Hiện nay thị hiếu về du lịch càng trở nên đa dạng. Sau những ngày làm việc căng thẳng, con người muốn được thư giãn và hoà mình vào thiên nhiên. Từ đó xuất hiện loại hình du lịch mới: du lịch sinh thái, trong đó các khu bảo tồn thiên nhiên có vai trò quan trọng. Không phải mọi tài nguyên động thực vật đều là đối tượng của du lịch tham quan. Để phục vụ cho các mục đích du lịch khác nhau, người ta đưa ra các chỉ tiêu sau đây:

Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch:

Thảm thực vật phong phú độc đáo và điển hình.

Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.

Có một số động vật (thú, chim, bò sát, côn trùng, cá...) phong phú hoặc điển hình cho vùng.

Có các loài có thể khai thác làm đặc sản phục vụ nhu cầu của du khách.

Thực động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe được tiếng hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.

Đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại, quan sát, vui chơi của khách

Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắn thể thao:

Quy định loài được săn bắn là loài phổ biến, không ảnh hưởng đến số lượng quỹ gen, loài động vật hoạt động (ở dưới nước, mặt đất, trên cây), nhanh nhẹn. Ngoài ra khu vực dành cho săn bắn thể thao phải tương đối rộng, có địa hình tương đối dễ vận động, xa khu dân cư, đảm bảo tầm bay của đạn và sự an toàn tuyệt đối cho khách. Phải cấm dùng súng quân sự, mìn, chất nổ

nguy hiểm.

Chỉ tiêu đối với mục đích du lịch nghiên cứu khoa học:

Nơi có hệ động thực vật phong phú đa dạng.

Nơi có tồn tại loài quý hiếm.

Nơi có thể đi lại, quan sát, chụp ảnh.

Có quy định thu mẫu của cơ quan quản lý.

B. Tài nguyên du lịch nhân văn

Tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo nghĩa là do con người sáng tạo ra. Theo quan điểm chung được chấp nhận hiện nay, toàn bộ những sản phẩm có giá trị về vật chất cũng như tinh thần do con người sáng tạo ra đều được coi là nguồn sản phẩm văn hoá. Tài nguyên du lịch nhân văn cũng chính là những giá trị văn hoá tiêu biểu cho mỗi nền dân tộc, mỗi quốc gia. Thông qua những hoạt động du lịch dựa trên việc khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn, khách du lịch có thể hiểu được những đặc trưng cơ bản về văn hoá của dân tộc, địa phương nơi mình đến.

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm các dạng sau:

Các di tích lịch sử văn hoá (trong đó bao gồm các di sản văn hoá thế giới và các di tích lịch sử văn hoá thắng cảnh cấp quốc gia và địa phương).

Các lễ hội, các nghề và làng nghề thủ công truyền thống.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học.

Những đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác mang tính sự kiện.

Các di tích lịch sử văn hoá

Di tích lịch sử văn hoá là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và của cả nhân loại. Nó là bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hoá của mỗi nước. Ở đó chứa đựng những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ tài năng của con người, góp phần vào việc phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Đó chính là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc mỗi đất nước.

Di tích lịch sử văn hoá là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại.

Phân loại di tích lịch sử văn hoá:

Di tích văn hoá khảo cổ: là những địa điểm ẩn dấu một bộ phận giá trị văn hoá thuộc về lịch sử loài người chưa có văn tự và thời gian nào đó trong lịch sử cổ đại. Đa số các di tích văn hoá khảo cổ còn được gọi là di chỉ khảo cổ nó được phân thành di chỉ cư trú và di chỉ mộ táng.

Di tích lịch sử: mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm lịch sử riêng được ghi dấu lại ở những di tích lịch sử. Sự ghi dấu ấy có khác nhau về số lượng, sự phân bố và nội dung giá trị.

Loại hình di tích lịch sử thường bao gồm:

Di tích ghi dấu về dân tộc học; sự ăn ở, sinh hoạt của các tộc người.

Di tích ghi dấu sự kiện chính trị quan trọng, tiêu biểu có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương.

Di tích ghi dấu chiến công xâm lược.

Di tích ghi dấu những kỷ niệm.

Di tích ghi dấu sự vinh quang trong lao động.

Di tích ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến

Loại hình di tích văn hoá nghệ thuật: là các di tích gắn với các công trình kiến trúc có giá trị nên còn gọi là di tích kiến trúc nghệ thuật. Nhưng di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần.

Các danh lam thắng cảnh: là những giá trị văn hoá do thiên nhiên ban tặng. Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp thiên nhiên bao la hùng vĩ, thoáng đãng mà còn có giá trị nhân văn do bàn tay khối óc con người tạo dựng nên. Các danh lam thắng cảnh thường chứa đựng trong đó giá trị của nhiều loại di tích văn hoá và vì vậy có giá trị quan trọng đối hoạt động du lịch.

Các lễ hội

Ở bất cứ thời đại nào, bất cứ dân tộc nào, vào bất cứ mùa nào cũng có những ngày lễ hội. Các lễ hội đã tạo nên một môi trường mới, huyền diệu, giúp con người tham dự có điều kiện tiếp xúc với bí ẩn của nguồn khởi mọi sinh vật sống. Lễ hội dân tộc trở thành dịp cho con người hành hương về với cội rễ, bản thể của mình. Trong kho báu các di sản của quá khứ để lại hôm nay các lễ hội dân tộc có lẽ là một trong những thứ quý giá nhất. Và vì thế các lễ hội dân tộc lành mạnh không bị mất đi, mà ngày càng được nhân rộng, phát triển cả về hình thức lẫn nội dung. Các lễ hội có sức hấp dẫn du khách không kém gì các di tích lịch sử văn hoá.

Lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá tổng hợp hết sức đa dạng và phong phú, là một kiểu sinh hoạt tập thể của nhân dân sau thời gian lao động mệt nhọc, hoặc là một dịp để con người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại: ngưỡng mộ tổ tiên, ôn lại truyền thống, hoặc là để giải quyết những nỗi lo âu, những khao khát ước mơ mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được.

Khi đánh giá các lễ hội phục vụ mục đích du lịch cần lưu ý đến thời gian của lễ hội, quy mô, các lễ hội thường tổ chức tại các di tích lịch sử văn hoá. Điều đó cho phép khai thác tốt hơn các di tích lẫn lễ hội vào mục đích du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học

Mỗi dân tộc có những điều kiện sinh sống, những đặc điểm văn hoá, phong tục tập quán, hoạt động sản xuất mang sắc thái riêng của mình và có địa bàn cư trú nhất định. Những đặc thù của từng dân tộc có sức hấp dẫn riêng với khách du lịch.

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa đối với du lịch là các tập tục lạ về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen sinh hoạt, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc.

Các đối tượng văn hoá thể thao và hoạt động nhận thức khác

Các đối tượng văn hoá cũng thu hút khách du lịch với mục đích tham

quan, nghiên cứu. Đó là các trung tâm của các viện khoa học, các trường đại học, các thư viện lớn và nổi tiếng, các thành phố có triển lãm nghệ thuật, các trung tâm thường xuyên tổ chức liên hoan âm nhạc, điện ảnh, thi thể thao, hoa hậu.

Các đối tượng văn hoá thể thao thu hút không chỉ khách du lịch với mục đích tham quan, nghiên cứu mà còn thu hút đa số khách đi du lịch với các mục đích khác, ở các lĩnh vực khác và từ nhiều nơi khác đến. Do vậy tất cả các thành phố có các đối tượng văn hoá hoặc tổ chức các hoạt động văn hoá thể thao đều được nhiều khách tới thăm và đều trở thành những trung tâm du lịch văn hoá.

1.3.2 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

1.3.2.1 Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với việc đẩy mạnh du lịch. Về phương diện này, mạng lưới và phương tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu.

Du lịch gắn với sự di chuyển của con người trên một khoảng cách nhất định. Nó phụ thuộc vào giao thông, mạng lưới đường xá và phương tiện giao thông. Một đối tượng có thể có sức hấp dẫn đối với khách du lịch nhưng vẫn không thể khai thác được khi thiếu nhân tố giao thông. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới trở thành hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Giao thông là bộ phận của cơ sở hạ tầng kinh tế nhưng cũng có các phương tiện giao thông du lịch được sản xuất và sử dụng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu du lịch (ô tô, tàu thủy, máy bay đặc biệt, đường dây cáp...) chúng được tách ra như một bộ phận của cơ sở hạ tầng du lịch.

Thông tin liên lạc là một phần quan trọng trong cơ sở hạ tầng của hoạt động du lịch. Nó là điều kiện cần thiết để đảm bảo giao lưu cho khách du lịch trong nước và quốc tế. Nhu cầu thông tin liên lạc là các nhu cầu trao đổi các dòng tin tức khác nhau của xã hội, được thoả mãn bằng nhiều loại hình thông

tin khác nhau. Trong đời sống kinh tế xã hội hiện đại nói chung cũng như trong ngành du lịch không thể thiếu được các phương tiện thông tin liên lạc.

Trong cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn phải đề cập đến hệ thống các công trình cấp điện nước. Các sản phẩm của nó phục vụ trực tiếp cho việc nghỉ ngơi giải trí của khách. Như vậy cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế trong đó có hoạt động du lịch.

1.3.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đóng một vai trò hết sức quan trọng trong quá trình tạo ra và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn các nhu cầu của khách du lịch. Chính vì có vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển ngành du lịch bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân tham gia phục vụ du lịch như thương nghiệp, dịch vụ... Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm nhiều thành phần, chúng mang những chức năng khác nhau và có ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện sản phẩm du lịch. Việc đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được căn cứ vào ba loại tiêu chuẩn chủ yếu: 1) Đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho nghỉ ngơi du lịch; 2) Đạt hiệu quả kinh tế tối ưu trong quá trình xây dựng và khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật; 3) Thuận tiện cho việc đi lại của khách từ các nơi đến. Các thành phần của cơ sở vật chất kỹ thuật

1.3.2.3 Vai trò của tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch được xem như là tiền đề phát triển du lịch. Thực tế cho thấy tài nguyên du lịch càng phong phú, càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động càng cao bấy nhiêu. Có thể nói tài nguyên du lịch là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp tới tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hoá của vùng du lịch.

Trong phạm vi lãnh thổ, mọi hoạt động du lịch đều phản ánh một không gian du lịch nhất định. Tổ chức lãnh thổ du lịch là nhân tố hàng đầu trong việc nghiên cứu lãnh thổ du lịch vì khi nghiên cứu lãnh thổ du lịch phải nghiên cứu tới việc quan sát khía cạnh không gian cụ thể của nó. Hệ thống lãnh thổ du lịch được tạo thành bởi nhiều yếu tố có quan hệ mật thiết với nhau. Quy mô hoạt động du lịch của một vùng du lịch được xác định dựa trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên du lịch, quyết định tính mùa, tính nhịp điệu của dòng khách du lịch. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch được hình thành bởi nhiều yếu tố nhưng trước hết phải kể đến sự tham gia của nguồn tài nguyên du lịch. Để đáp ứng nhu cầu du lịch đa dạng của khách du lịch, những sản phẩm du lịch được tạo ra không thể đơn điệu, nghèo nàn, kém hấp dẫn mà cần phải phong phú, đa dạng, mới mẻ.

Chính sự phong phú, đa dạng của tài nguyên du lịch sẽ tạo ra sự phong phú của sản phẩm du lịch. Tài nguyên du lịch càng đặc sắc, độc đáo thì giá trị của sản phẩm du lịch và độ hấp dẫn khách du lịch càng tăng. Có thể nói chất lượng của tài nguyên du lịch sẽ là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng sản phẩm du lịch và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch.

Trong quá trình phát triển du lịch, để không ngừng đáp ứng các yêu cầu và thoả mãn các mục đích của khách du lịch, các loại hình du lịch mới cũng không ngừng xuất hiện và phát triển. Các loại hình du lịch ra đời đều phải dựa trên tài nguyên du lịch. Chính sự xuất hiện của tài nguyên du lịch đã làm cho một số loại tài nguyên nhân văn và tự nhiên trở thành tài nguyên du lịch.

Tiểu kết chương 1

Ngày nay du lịch đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng, một đất nước.

Thấy được ý nghĩa của sự phát triển hoạt động du lịch, chương 1 của

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

khoá luận đã tổng hợp một số quan điểm về du lịch, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển du lịch để từ đó định hướng cho việc phân tích tiềm năng và đề xuất các giải pháp phát triển du lịch trên địa bàn huyện Tiên Yên ở chương 2 và chương 3.

CHƯƠNG 2. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN TIÊN YÊN

2.1 Hoạt động du lịch ở tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam. Có tọa độ địa lý khoảng 106⁰26' đến 108⁰31' kinh độ Đông và từ 20⁰40' đến 21⁰40' vĩ độ Bắc. Chiều rộng từ Đông sang Tây, khoảng rộng nhất là 195km; chiều dài từ Bắc xuống Nam, khoảng dài nhất là 120km. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây Trung Quốc, phía Tây Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây giáp các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương và thành phố Hải Phòng. Phía Đông và phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ.

Quảng Ninh có cửa khẩu quốc tế, quốc gia Bắc Luân và nhiều cửa khẩu địa phương trên đất liền, trên đảo đã tạo nên vị trí tiền đồn rất quan trọng về kinh tế, quốc phòng và an ninh đối với cả nước. Đây cũng là điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch của tỉnh trong việc phát triển du lịch nội địa và du lịch quốc tế.

Bờ biển Quảng Ninh dài hơn 250km với hàng ngàn hecta trảng bãi ven biển, có nhiều lợi thế để nuôi trồng thủy sản. Trên 600.000 ha mặt biển, có 2.078 đảo và 30 con sông, suối bắt nguồn từ phía sườn đồi đón gió thuộc cánh cung Đông Triều ở độ cao 500m, chảy ra vịnh Bắc Bộ tạo ra nhiều bến cảng, thuận tiện cho lưu thông hàng hoá, quan hệ giao lưu với các vùng trong nước, nước ngoài. Đây là một lợi thế lớn để phát triển các ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, sản xuất muối, xây dựng các trạm thủy điện và du lịch.

Nước khoáng thiên nhiên và nước khoáng nóng có ở một số địa phương như Quang Hanh, Cẩm Thạch (Cẩm Phả), Đông Long (Bình Liêu), nhưng có thương hiệu và được nhiều người biết đến là nước khoáng Quang Hanh tập trung trên địa bàn thị xã Cẩm Phả. Từ cuối thế kỉ XX đến nay, nguồn nước khoáng này đã bắt đầu được khai thác để phục vụ nhu cầu của khách du lịch

và chữa bệnh cho nhân dân.

Quảng Ninh có những cảnh quan nổi tiếng như vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới, vịnh Bái Tử Long, nhiều bãi biển đẹp như Trà Cổ, Cô Tô, bãi Dài (huyện Vân Đồn), cùng các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật tạo khả năng mở các tuyến du lịch trên đất liền và trên biển đảo.

Đảo Tuần Châu có diện tích 220 ha, nằm trong vịnh Hạ Long, cách trung tâm thành phố Hạ Long 8km, cách đất liền 2km. Đây là một vị trí lý tưởng để phát triển một quần thể du lịch cao cấp.

Tỉnh Quảng Ninh có gần 500 di tích lịch sử, văn hoá nghệ thuật gắn với nhiều lễ hội truyền thống, trong đó có những di tích nổi tiếng của quốc gia như chùa Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long Tiên, đình Quan Lạn... đây là những điểm thu hút khách thập phương đến với các loại hình du lịch văn hoá, tôn giáo, nhất là vào những dịp lễ hội.

Quảng Ninh là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chỉ... cùng với họ là những giá trị văn hoá truyền thống. Hiện nay, những giá trị văn hoá truyền thống như “múa chuông”, “múa trống” của người Dao; “múa gậy” của dân tộc Sán Dìu; múa “chim gâu”, “xúc tép” của người Sán Chỉ; đàn tính của dân tộc Tày; “tù và” bằng sừng trâu, sáo “sôna” bằng vỏ ốc của người Sán Dìu vẫn còn hiện diện trong các dân tộc thiểu số ở Quảng Ninh. Mỗi loại hình văn hoá đều mang sắc thái riêng, nó thể hiện bản sắc, lối sống của mỗi dân tộc. Đó là các riêng cái lạ mà khách du lịch muốn được tìm hiểu và khám phá.

Đến Quảng Ninh du khách còn có cơ hội để thưởng thức các món ăn được chế biến từ các loại hải sản của biển, trong đó có những đặc sản có giá trị như hải sâm, bào ngư, tôm, cua, sò, ngán, tu hài, sá sùng...

Hiện nay, hoạt động du lịch tại Quảng Ninh đang ngày càng thu hút được nhiều lượng khách đến du lịch, trong đó không chỉ có khách du lịch nội địa mà còn có cả khách quốc tế.

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

Năm 2008 khách du lịch đến Quảng Ninh là 4.200.000 lượt, tăng 16% so với năm 2007. Trong đó khách quốc tế là 235.000 lượt, tăng 60% so với năm 2007.

Khách lưu trú là 2.400.000 lượt, tăng 4% so với năm 2007. Trong đó khách quốc tế là 1.250.000 lượt, tăng 10% so với năm 2007.

Khách thăm quan vịnh Hạ Long là 2.640.000 lượt, tăng 46% so với năm 2007. Trong đó doanh thu du lịch là 2.400 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2007.

Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch Quảng Ninh quý I năm 2009

Danh mục	Đơn vị tính	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
A-Tổng khách du lịch	Lượt khách	352400	1029545	536330
Trong đó khách quốc tế		108810	108657	112870
I-Khách lưu trú	Lượt khách			
1.Lượt khách		117330	129623	121890
Trong đó khách quốc tế		76790	82563	101150
2-Ngày khách	Ngày khách	181040	204750	217100
Trong đó khách quốc tế		97270	106307	107950
II-Lữ hành	Lượt khách	23370	24549	37580
1-Khách quốc tế		23240	24385	37370
Khách do đơn vị tự tổ chức		16520	15342	20375
Khách Trung Quốc đi trong ngày		520	592	640
2-Khách trong nước		130	164	208
III-Khách thăm di tích lịch sử văn hoá		137800	800000	310000

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

IV-Khách thăm vịnh Hạ Long		179360	191155	187916
B-Tổng doanh thu	Triệu đồng	172499	280143	240056
I-Doanh thu du lịch		161028	268645	227017
Trong đó: Lữ hành		22868	22122	36291
Phòng nghỉ		37778	40836	42796
Ăn uống		36843	73020	49247
Vận chuyển khách		20573	56564	47213
Vận chuyển khách thăm vịnh		11326	14182	16874
Bán hàng hoá		13102	33558	18696
Phục vụ vui chơi giải trí		11114	24870	16021
Doanh thu khác		18750	17676	16753
II-Vé thăm vịnh		5295	6341	6134
III-Phí xuất nhập cảnh		6017	5016	6718

Nguồn: Sở văn hoá thể thao và du lịch tỉnh Quảng Ninh

2.2 Tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên

2.2.1 Khái quát về huyện Tiên Yên

Tiên Yên, nếu chỉ nghe tên người ta cũng cảm nhận được sự hội tụ của những vẻ đẹp thiên nhiên và con người về một miền đất đẹp, nên thơ và bình yên. Quả thật là không sai khi đặt cho miền đất này cái tên Tiên Yên vừa kiêu sa mà rất gần gũi. Một địa danh có núi rừng hùng vĩ bên cạnh một vùng bãi triều ven biển dài gần 40km với hàng ngàn hecta rừng ngập mặn – nơi cư trú của nhiều loại hải sản và chim quý. Có nhiều người giải thích về xuất xứ cái tên Tiên Yên – vùng đất yên bình của thần tiên. Truyện kể lại, thời xa xưa, một đoàn thuyền buôn bán đang gặp nạn, bất chợt thấy núi dựng ở phía chân trời. Họ mừng rỡ cho chèo thuyền vào và vô cùng vui mừng vì thấy khó bốc lên. Niềm hy vọng bồi bồi ở đó. Tiên Yên mang ý nghĩa phía trước có khói.

Tiên Yên là một vùng đất có lịch sử hình thành từ rất lâu đời, là nơi cư trú rất sớm của người Việt cổ và nằm trong vùng văn hoá Hạ Long. Những di

chỉ khảo cổ học tìm thấy gần cửa sông Hà Tràng cho thấy con người đã cư trú ở đây vào thời kỳ đồ đá mới. Thời Tiên Lê vùng đất này thuộc châu Tân An; thời Minh là huyện thuộc phủ Tân Yên. Đầu thời Lê, là châu Tĩnh Yên thuộc phủ Hải Đông, thừa tuyên An Bang, sau là châu Tân Yên. Đầu hậu Lê, vì kế hoạch của vua Lê Kính Tông là Duy Tân nên đổi tên là Tiên Yên. Nay là huyện Tiên Yên.

Lịch sử đấu tranh chống xâm lược của người dân Tiên Yên là một bộ phận không thể tách rời với sự nghiệp dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc Việt Nam, không những thế, thổ phỉ và hải phỉ là nạn giặc mà vùng này phải chịu đựng và đối phó hàng bao thế kỷ. Tháng 8 năm 1945 cùng với nạn đói khủng khiếp, hàng trăm bọn thổ phỉ người Hoa, bọn phản động xa xứ theo Tưởng từ Bình Liêu, Đầm Hà, Hà Cối, Đình Lập, Móng Cái do Chương Ngọ Kiều cầm đầu kéo vào Tiên Yên hòng thiết lập chính quyền phản động ở đây. Không cam chịu sự áp bức bóc lột và sự thống trị của bọn phản động, người dân nơi đây đã đứng dậy đấu tranh. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Tiên Yên đã anh dũng chiến đấu và đến ngày mừng 8 tháng 8 năm 1954 Tiên Yên hoàn toàn giải phóng.

Thị trấn Tiên Yên được gọi là thị trấn ngã ba sông vì đây là nơi giao nhau của hai con sông đổ ra biển là sông Phó Cũ và sông Tiên Yên. Chúng ta có thể đắm mình với dòng sông và biển cả khi đi trên phố của thị trấn xinh đẹp này. Thị trấn Tiên Yên không chỉ là ngã ba sông mà còn là ngã ba về đường bộ để đến các cửa khẩu quốc tế như Móng Cái, Hoàn Mô, Lạng Sơn và đến Hạ Long. Với địa lý có tính đặc thù, có cảnh quan thiên nhiên thơ mộng cùng trên 4 vạn dân của hơn 6 dân tộc anh em sinh sống lâu đời đã để lại cho Tiên Yên những nét văn hoá độc đáo. Người dân Tiên Yên anh dũng chống giặc ngoại xâm, cần cù trong lao động sản xuất và xây dựng đời sống. Con người Tiên Yên thật thà, chung thủy và rất mến khách. Nơi đây như chứa đựng tiềm năng của nhiều vùng đất. Những căn nhà phố cổ hai tầng xinh xắn với kiến trúc hài hoà, kín đáo mà không kém phần phô diễn hết cái vẻ đẹp kiến trúc của một

thời đại, một dân tộc. Ở đó chứa đựng cả một nền văn hoá tinh tế với tâm linh của người làm chủ mảnh đất này, những người di cư từ vùng trong ra đây lập nghiệp trên dưới trăm năm qua. Họ đã đứng chân tại đây và dựng nên một vùng văn hoá của dân tộc lâu bền vùng non nước phía Đông Bắc của tổ quốc.

2.2.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.2.2.1 Vị trí địa lý

Tiên Yên là huyện miền núi ven biển, nằm ở trung tâm các khu vực miền Đông tỉnh Quảng Ninh có toạ độ địa lý

Từ 21⁰11' đến 21⁰33' vĩ độ Bắc,

Từ 107⁰13' đến 107⁰32' kinh độ Đông,

Phía Bắc giáp huyện Bình Liêu, Đình Lập (tỉnh Lạng Sơn),

Phía Tây giáp huyện Ba Chẽ, thị xã Cẩm Phả,

Phía Nam giáp huyện Vân Đồn,

Phía Đông giáp huyện Đàm Hà,

Huyện Tiên Yên có tổng diện tích đất đai tự nhiên là 64.789 ha chiếm 10,61% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Có bờ biển dài 35km tiếp giáp với vịnh Bắc Bộ là điều kiện thuận lợi để giao lưu kinh tế và phát triển kinh tế biển. Có hệ thống giao thông đường bộ thuận tiện nối từ Tiên Yên đi các huyện thị, thành phố trong tỉnh và đến các huyện thị, thành phố trong toàn quốc qua quốc lộ 18A.

Tiên Yên có 12 đơn vị hành chính cấp cơ sở gồm 1 thị trấn và 11 xã: Đại Dực, Yên Than, Hà Lâu, Phong Dụ, Điền Xá, Hải Lạng, Tiên Lãng, Đông Ngũ, Đông Hải, Đồng Rui và Đại Thành. Thị trấn Tiên Yên là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của huyện, cách trung tâm tỉnh (thành phố Hạ Long) 90km về phía Tây theo quốc lộ 18A, cách cửa khẩu Hoàn Mô (qua thị trấn Bình Liêu) 50km về phía Bắc theo quốc lộ 18C, cách cửa khẩu quốc tế Móng Cái 90km về phía Đông theo quốc lộ 18A, cách khu kinh tế mở và Vân Đồn khoảng 50 km về phía Tây Nam theo quốc lộ Vân Tiên.

Vị trí địa lý huyện Tiên Yên khá thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội

và du lịch. Giáp các đô thị lớn Móng Cái, Hạ Long và vùng kinh tế năng động duyên hải của miền Nam nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa qua cửa khẩu quốc tế Móng Cái và Hoành Mô, là cửa ngõ ra biển của vùng trung du miền núi phía Bắc.

2.2.2.2 Địa hình địa mạo

Tiên Yên là huyện có địa hình trung du miền núi ven biển, nằm trong cánh cung Đông Triều Móng Cái. Phía Đông Bắc là vùng đồi núi thấp, phía Nam là vùng phù sa ven biển. Địa hình Tiên Yên được chia làm 3 vùng chính: vùng đồi núi phía Tây Bắc, vùng phù sa cổ, vùng phù sa mới.

Tiên Yên là vùng đất thung lũng, đồi núi chen lẫn, chia cắt bởi sông suối. Phía Tây Bắc có dãy núi Cái Kỳ với đỉnh cao nhất Ngà Là chạy dài ra cửa sông Ba Chẽ theo hướng Đông Bắc Tây Nam, trở thành ranh giới tự nhiên giữa Tiên Yên và Ba Chẽ. Dưới chân núi là một dải đồng bằng ven biển và vùng đầm đảo Hà Dong thuộc các xã giàu nhất huyện: Đồng Rui và Hải Lạng.

Phía Bắc rừng núi điệp trùng một màu xanh của hồi, quế, keo, thông, của các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa như Diên Xá, Hà Lâu, Phong dự. Phía Đông có dãy Pạc Sủi và Thang Châu chạy theo hướng Bắc Nam, thấp dần xuống phía biển tạo thành vùng đồng bằng duyên hải của các xã Đông Ngũ, Đông Hải - vựa lúa no ấm của Tiên Yên. Qua dãy Pạc Sủi là thung lũng xã Đại Dực. Từ trên cao nhìn xuống ruộng bậc thang uốn lượn và những nếp nhà sàn cao thấp của đồng bào Sán Chỉ đẹp như một bức tranh. Ở đây có đặc sản dầu sỏ, có miến dong nổi tiếng. Những bãi cỏ rộng dài thuận lợi cho việc chăn thả trâu bò. Dưới chân dãy Pạc Sủi là những rừng quế chạy dài tạo nên đặc sản quế Khe Tấu. Thung lũng Tiên Yên nằm lọt giữa hai dãy núi Cái Kỳ và Pạc Sủi được tạo nên bởi hai chi lưu sông, một dòng có tên Tiên Yên từ Đồng Văn Bình Liêu về, một dòng mang tên phố cũ từ núi rừng phía Đông Bắc Đình Lập Lạng Sơn tới. Hai dòng này hợp ở thác Bưởi chạy vào vịnh Vạn Hoa. Thị trấn Tiên Yên nằm trên vùng đất giữa hai con sông ấy.

2.2.2.3 Khí hậu

Là huyện miền núi trung du ven biển, có địa hình phức tạp, đồi núi chạy rất sát biển nên hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau, nổi bật là khí hậu miền núi và duyên hải.

Nhiệt độ khí hậu:

Ở những vùng thấp dưới 200m có tổng tích ôn năm là 8000⁰C và nhiệt độ trung bình là 22,4⁰C, vùng cao từ 200 – 700m có tổng tích ôn 7500⁰C và nhiệt độ trung bình là 19 -26⁰C. Vùng núi cao trên 700m có tổng tích ôn 6000⁰C và nhiệt độ trung bình là 19⁰C.

Mùa mưa

Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2385mm, năm cao nhất lên đến 3667,4mm, năm thấp nhất là 1103,8mm. Số ngày mưa trong năm trung bình là 163 ngày, mùa mưa nhiều nhất từ tháng 5 đến tháng 10, mùa mưa ít từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa phân bố không đều trong năm, mưa thường tập trung từ tháng 3 đến tháng 9 chiếm 80-85% tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa lớn nhất vào tháng 7 khoảng 452mm, lượng mưa nhỏ nhất vào tháng 12 và tháng 1 khoảng 30mm.

Độ ẩm không khí

Tuy có lượng mưa lớn, nhưng lượng bốc hơi nước trung bình hàng năm thấp (26%) nên độ ẩm không khí trung bình hàng năm khá cao 84%, độ ẩm không khí cao nhất vào tháng 3 và tháng 4 đạt tới trị số 87 - 88%, thấp nhất vào tháng 10 và tháng 11 đạt trị số 76%. Nhìn chung độ ẩm không khí ở Tiên Yên không chênh lệch lắm so với các vùng bởi nó phụ thuộc vào độ cao, địa hình và phân hoá theo mùa, mùa nhiều mưa có độ ẩm không khí cao hơn mùa ít mưa.

Gió

Có hai loại gió chính thổi theo hướng Bắc-Đông Bắc và Nam-Đông Nam. Gió Đông Bắc thường hoạt động từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió trung bình 2 - 4m/s, đặc biệt khi gió Đông Bắc tràn về thường lạnh, gió rét và khô hanh. Mùa hè gió thổi theo hướng Nam - Đông Nam từ tháng 5 đến

tháng 9, gió thổi từ biển vào mang theo nhiều hơi nước gây ra mưa, tốc độ gió trung bình từ 2 - 4m/s.

2.2.2.4 Tài nguyên nước

Nước mặt: có nhiều suối nhỏ bắt nguồn từ vùng đồi núi chảy ra phía biển, lớn nhất chỉ có sông Tiên Yên được bắt nguồn từ dãy núi Khoảng Nam Châu Lĩnh có độ cao 1175m thuộc huyện Bình Liêu, sông dài 82km có diện tích lưu vực 1070km², lưu lượng thấp nhất 28m³/s, lưu lượng lớn nhất 2090m³/s, sông có 7 nhánh. Lượng nước của các con sông ở đây khá phong phú.

Nước ngầm: có trữ lượng lớn đảm bảo được nhu cầu nước cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Chất lượng nước: chất lượng môi trường nước mặt và nước ngầm còn tương đối tốt, ít bị ảnh hưởng tác động từ môi trường bên ngoài.

2.2.2.5 Tài nguyên đất

Đất đai Tiên Yên chia thành 2 vùng chính: vùng đất đồng bằng ven biển và vùng đất đồi núi.

-Vùng đất đồng bằng ven biển có 3 loại chính:

+ Đất cồn cát, bãi cát: được phân bố ở các xã ven biển như Tiên Lãng, Đồng Rui, Hải Lạng, Đông Ngũ và thị trấn Tiên Yên. Có diện tích khoảng 350 ha chiếm 0,54% diện tích đất tự nhiên của huyện

+ Đất mặn: được phân bố chủ yếu ở các xã ven biển và rất phức tạp do tác động của con người, sự xâm nhập của nước biển mà hình thành nhiều loại khác nhau. Diện tích đất khá lớn vào khoảng 9380,2 ha chiếm 14,53% diện tích đất tự nhiên của huyện.

+ Đất phù sa sông: Đây là những dải rất hẹp chạy dọc theo các triền sông Tiên Yên, sông Phó Cũ, sông Ba Chẽ và một số nhánh sông khác. Diện tích là 1135,2 ha chiếm 1,76% diện tích đất tự nhiên của huyện.

-Vùng đồi núi gồm các loại sau:

+ Đất lúa nước vùng đồi núi: bao gồm đất dốc tụ, đất thung lũng, đất feralit biến đổi do trồng lúa bị bạc màu, đất feralit biến đổi do trồng lúa chưa bị bạc màu. Diện tích là 1518,8 ha chiếm 2,35% diện tích đất tự nhiên của huyện.

+ Đất feralit điển hình nhiệt đới ẩm: là vùng đất có độ cao từ 25 - 175m nối tiếp nhau chạy dọc từ Tây sang Đông. Địa hình dốc thoải ra biển, có nơi địa hình như bát úp, đỉnh và sườn một số bị xói mòn không có khả năng canh tác. Diện tích khoảng 28868,5 ha chiếm 44,72% diện tích đất tự nhiên của huyện.

+ Đất feralit trên núi: là vùng núi độ cao từ 175 - 700m được phân bố chủ yếu ở khu vực phía Bắc của huyện. Loại đất này được phát triển trên đá trầm tích và mắc ma axít, có độ dốc lớn. Thực vật phủ trên đất chủ yếu là cây cỏ tranh và cây bụi. Diện tích khoảng 13247,7 ha chiếm 20,5% diện tích đất tự nhiên của huyện.

+ Đất feralit vàng nhạt trên núi: loại đất này nằm ở độ cao từ 700m trở nên, có độ dốc lớn từ 12 đến 25 độ phân cách, hiểm trở, phức tạp. Diện tích khoảng 205,9 ha chiếm 0,31% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện.

2.2.2.6 Động thực vật

Động thực vật rất phong phú về chủng loại. Trên rừng, thực vật có 1020 loài thuộc 6 ngành và 171 họ. Một số ngành lớn như ngành Mộc Lan 951 loài, ngành Dương Xỉ 58 loài, ngành thông 11 loài. Về động vật có khoảng 127 loài trong đó lưỡng cư 11 loài, bò sát 5 loài, chim 67 loài, thú 34 loài.

Biển Tiên Yên có nhiều vùng sinh thái khác nhau tạo ra một hệ sinh vật biển phong phú, đa dạng. Là nơi sinh sống của nhiều loại hải sản có giá trị như tôm he, các song, cá cháp, cá vược, cua, ghẹ... Trữ lượng thủy sản khoảng 6.500 tấn, khả năng cho phép khai thác ổn định khoảng 3.500 tấn trong đó chủ yếu là các loài tôm và các loại hải sản khác.

2.2.3 Tài nguyên du lịch nhân văn

2.2.3.1 Các di tích lịch sử văn hoá

Khe Tù

Khe Tù trước đây là bệnh viện của Pháp và kho gạo dọc bờ sông, đến năm 1943, Pháp bắt đầu cho xây dựng nhà tù. Nhà tù được xây dựng trong khoảng thời gian là 6,7 năm mới hoàn thành. Nhà tù có hầm ngầm để nhốt cộng sản và có cả máy chém.

Có nhiều câu chuyện ở đây mà cho đến ngày nay, mỗi khi kể lại người dân Tiên Yên vẫn không khỏi buồn ngủi, xúc động. Để xây dựng nhà tù lính Pháp đã bắt những người dân đi làm phu hồ. Xây máy chém sát bờ sông, phu hồ làm không tốt thì bọn Pháp bắt ăn cơm trộn muối, khát nước thì cho uống nước xà phòng để nôn ra rồi tiếp tục làm việc. Cuộc sống của những người phu hồ hết sức cực khổ. Đi phu hồ xây nhà tù mỗi người được 0,4 lạng gạo và 2 lạng khoai một ngày, 12 đồng Đông Dương một tháng nhưng không bao giờ được cầm tiền vì cai chiếm đoạt hết.

Những người tù cộng sản bị nhốt ở đây đều bị đem ra chém đầu. Máy chém treo trên cao sập xuống, dao nặng khoảng 70 - 80kg, sống dao dày 3cm, chém bất cứ lúc nào không kể ngày đêm. Ròng rọc máy chém kéo bằng dây, khi kéo lên cao rồi thả ra máy chém rơi đầu. Khi chém xong, lính Pháp bắt những người cộng sản tự đem xác đồng đội của mình cho vào bao quăng xuống sông. Xác tù nhân không ai dám vớt đem chôn, để nước sông lên xuống cuốn trôi đi vì nếu Pháp bắt được sẽ đem ra chém đầu.

Những năm 1944 - 1945 ở Tiên Yên có rất nhiều quân ô hợp như quân Pháp, Nhật, Tàu, đội quân râu dài, quân mũ rộng vành, đội cướp bóc... trong khi đó lực lượng Việt Minh chỉ có khoảng 30 người. Lúc đó đội quân du kích do trung đội trưởng Trịnh Văn Hoàn chỉ huy. Quân ta đã tổ chức nhiều cuộc giải vây cho những người cộng sản bị nhốt ở Khe Tù nhưng đều bị thất bại và những người tổ chức đều bị đưa lên máy chém.

Từ năm 1947 - 1950 nhiều người cộng sản đã về đây hoạt động như ông Lê Bảy, Khổng Minh, bà Sĩ... đã tổ chức hoạt động bí mật bằng hình thức đánh trả du kích, bắt từng tên lính Pháp trùm bao tải cho lên rừng xử. Tháng 5

năm 1949 ở Khe Tù đã diễn ra trận đánh kho xăng khiến cả vùng ngập chìm trong khói lửa. Người lính nội ứng đánh mình ấy đã hy sinh thầm lặng không để lại tên tuổi.

Hàng năm vào những ngày thanh minh và cuối năm có nhiều gia đình đến đây, dù không có phần mộ nhưng vẫn thắp nén hương cho những người lính đã nằm xuống vì tổ quốc. Và cũng có nhiều người tìm đến đây với hy vọng tìm thấy thi hài của người thân, của đồng đội vẫn còn nằm lại trên mảnh đất này.

Đồn Cao Tiên Yên đây là nơi diễn ra trận đánh oanh liệt kéo dài 7 ngày 7 đêm của quân dân địa phương phối hợp với quân đội tứ chiến khu Đông Triều đánh bại bọn thổ phỉ những ngày đầu cách mạng tháng Tám.

Núi Hậu Sơn (xã Tiên Lãng), nơi cắm lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên của quân đội tứ chiến khu Đông Triều.

Đỉnh núi Khe Giao (xã Diên Xá), nơi thành lập chi bộ Đảng cộng sản Tiên Yên đầu tiên.

Núi chị Thụ người dân nơi đây đã lấy tên chị Nguyễn Thị Thụ hy sinh anh dũng trong trận chống càn ở Cái Đản để đặt tên cho núi.

Gốc đa thôn Tênh Pò (xã Phong Dụ), nơi diễn ra trận tập kích giết bọn Pháp và thổ phỉ Vòng A Sáng.

Miếu Đại Vương

Miếu Đại Vương thuộc thôn Hà Dong Bắc xã Hải Lạng, cách trung tâm thị trấn khoảng 8km, đến ngã ba xã Hải Lạng, tứ ngã ba rẽ phải đi huyện Ba Chẽ khoảng 2km thì đến nơi. Từ thị trấn có thể đến di tích bằng ô tô, xe máy.

Miếu Đại Vương được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XVII, diện tích xây dựng miếu là 241m², quay hướng Đông Nam, kiến trúc kiểu chữ “Nhất”, tường xây gạch thời Nguyễn, vì kèo bằng gỗ đơn giản, mái lợp ngói âm dương, đắp nổi hình hồ lô ở giữa, hai bên đầu mái cong cách điệu đơn giản.

Miếu gồm ba gian, gian giữa xây bằng bệ xi măng, trên đặt bát hương sứ và ba pho tượng. Miếu thờ Hoàng Càn là một vị tướng tài của triều Trần, đã có

công giúp dân dẹp loạn, lập làng. Để tưởng nhớ công lao của ông, nhân dân đã lập miếu thờ ngay trên mảnh đất này.

Miếu Đại Vương là nơi thể hiện tín ngưỡng của bà con nhân dân xã Hải Lạng. Trong các dịp lễ tết, bà con góp tiền làm cỗ, thắp hương để tưởng nhớ công lao của vị thần. Đặc biệt có nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ, các trò chơi dân gian diễn ra tại đây. Một năm có 5 ngày lễ: lễ cầu phúc tháng giêng, lễ cầu nước chống hạn 15 tháng 4, lễ cầu nước chống hạn 15 tháng 7, lễ cầu may 15 tháng 10, tạ lễ cuối năm 15 tháng 12.

Tín Tâm miếu

Miếu nằm trên phố Hoà Bình thị trấn Tiên Yên. Đây là ngôi miếu thờ thần hoàng làng do người Hoa để lại. Một số người dân địa phương đã đứng ra trông coi và chăm lo việc thờ tự. Vào những ngày rằm, mùng một hàng tháng mọi người dân quanh vùng đến đây để thắp hương cầu khẩn các vị thần phù hộ. Tiền công đức của người dân một phần để hương khói và tu sửa miếu, phần còn lại để giúp đỡ những người nghèo.

Linh Quán tự

Ngôi chùa có từ hơn 150 năm thuộc phố Đông Tiến thị trấn Tiên Yên. Ngôi chùa đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa nhưng vẫn giữ được nguyên cây nóc của ngôi chùa cổ. Bên ngoài có thờ Mẫu và thờ thổ công. Bên trong chùa có ba ban: ban chính thờ Phật, bên phải từ ngoài vào thờ thánh Mẫu, bên trái thờ Hưng Đạo Vương. Đặc biệt trong chùa có thờ ảnh Bác Hồ. Chùa do sư thầy đại đức Thích Vân Phong chủ trì và tổ chức cúng lễ vào ngày 30 và 14 hàng tháng.

2.2.3.2 Lễ hội truyền thống

Lễ hội văn hoá thể thao dân tộc Sán Chỉ

Lễ hội được tổ chức vào ngày 14 tháng giêng âm lịch hàng năm, tại xã Đại Dực huyện Tiên Yên. Lễ hội mang đậm nét văn hoá dân tộc, tái hiện kịch bản theo nghi lễ cổ truyền và đảm bảo đúng bản sắc của lễ hội truyền thống.

Phần lễ diễn ra trang trọng với nghi lễ cúng tế của đồng bào dân tộc Sán

Chỉ. Màn lễ cầu mùa của già làng đã gây ấn tượng mạnh mẽ cho cả người dân bản địa và những vị khách tới đây. Đối với người Sán Chỉ, thần Nông là vị thần cai quản ruộng đồng, vườn tược, gia súc, cho cây cối xanh tươi, mùa màng bội thu, mọi người no ấm, bản làng yên lành. Thay mặt khe bản già làng cúng lễ thần Nông để cầu phúc, cầu mùa, cầu mong một năm mưa thuận gió hoà, nguồn nước dồi dào trong lành, mọi người, mọi nhà khoẻ mạnh. Sau lễ cầu mùa mọi người lại tích cực ra ruộng vườn để trồng cây. Trước đây do tập quán lạc hậu là nương rẫy, nên sau lễ cầu mùa là mọi người lại lên nương để tra hạt. Công cụ sản xuất lúc đó là cây chọc lỗ (gọi là bu chồng) được đồng bào Sán Chỉ thiết kế khéo léo, có thêm rọ tre đựng sỏi để mỗi khi chọc mạnh lại phát ra tiếng nhạc vui tai, hoà quyện với các làn điệu Soóng Cọ vang xa trên các nương rẫy.

Người Sán Chỉ đến lễ hội trong trang phục truyền thống của dân tộc với chiếc áo “uyên ương” được may bằng các màu xanh hoặc đen, được trang trí khá công phu thể hiện sự chung thủy, son sắc của người phụ nữ. Trang phục màu trầm thể hiện sự khoẻ khoắn của người nam giới.

Lễ hội còn là dịp để các bà, các chị đồng bào Sán Chỉ thể hiện sự khéo léo tạo nên những chiếc bánh cốc mò xinh xắn hoà quyện cùng với màu sắc rực rỡ của xôi ngũ sắc.

Xôi ngũ sắc là xôi 5 màu chứ không được là 4 hoặc 6 màu. Đồng bào cho rằng đó là 5 “khí chất” của trời đất: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Xôi 5 màu vẫn được nấu bằng loại nếp nương thơm lừng. Trước khi đồ, gạo nếp được ngâm trong các màu xanh, đỏ, tím, vàng, đen rồi vớt ra cho mỗi màu vào một lớp trong chõ ngăn cách bởi lá chuối xé rách cho hơi nóng toả đều. Các màu lấy từ nhiều loại lá rừng như cây dứa, cây giá, cây sâu cước, đều là những dược liệu được truyền lại từ nhiều đời, vừa không độc, vừa có mùi thơm ngon. Không chỉ đẹp và thơm ngon với nhiều mùi vị của núi rừng mà đĩa xôi, khuôn xôi 5 màu còn tiềm ẩn những giá trị thiêng liêng trong tâm linh nên được mọi người rất trân trọng.

Mỗi trang phục, mỗi món ăn đều có những nét đẹp riêng tạo nên sự độc đáo trong truyền thống của người Sán Chỉ. Đặc biệt là những trò chơi dân gian sôi động, khơi dậy lòng tự hào, tính dân tộc, bản sắc văn hoá truyền thống như đánh quay, tung còn, đẩy gậy, bắn nỏ, kéo co, đi cà kheo kết hợp với âm thanh mượt mà của chiếc kèn lá dừa tạo nên một nét văn hoá truyền thống lưu truyền từ đời này sang đời khác.

2.2.3.3 Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học

Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học có ý nghĩa đối với du lịch là các tập tục về cư trú, về tổ chức xã hội, về thói quen sinh hoạt ăn uống, về kiến trúc cổ, các nét truyền thống trong quy hoạch cư trú và xây dựng, trang phục dân tộc.

Tiên Yên là một huyện dân tộc miền núi với nhiều đồng bào dân tộc cùng sinh sống như: dân tộc Tày, Dao, Nùng, dân tộc Sán Dìu, Sán Chỉ... Mỗi một dân tộc lại có những nét văn hoá riêng, độc đáo, có thể định hướng để phát triển loại hình du lịch văn hoá các tộc người.

Dân tộc Tày

Đã cư trú lâu đời ở Tiên Yên, chiếm 14,12% dân số toàn huyện với hơn 6 nghìn nhân khẩu, sinh sống chủ yếu tại các xã Hà Lâu, Phong Dụ, Điền Xá, Đông Hải, Yên Than. Đồng bào dân tộc Tày tại Tiên Yên có truyền thống lịch sử lâu đời, với nhiều nét văn hoá phong phú và đa dạng.

Nghề truyền thống của người Tày chủ yếu là trồng lúa nước, trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa. Trang phục của người Tày rất giản dị: vải bông nhuộm chàm, áo phụ nữ dài tới đầu gối, xẻ tà, ống tay hẹp, hàng cúc gồm 5 cúc cài chéo sang một bên, cổ thường đeo vòng bạc cùng hoa tai bạc.

Người Tày vốn có văn hoá lâu đời bằng những huyền thoại truyền miệng. Có âm nhạc truyền thống, có nhiều điệu dân ca cổ truyền nổi tiếng như hát lượn, hát đám cưới, hát ru con, đánh đàn tính, thổi kèn lá. Nội dung của các làn điệu này là ca ngợi tình yêu thiên nhiên, quê hương, mùa màng. Các trò chơi dân gian như: ném còn, kéo co, đánh gụ, đánh “cù én”(cầu trình), đánh

khăng, đi cà kheo, vật, đẩy gậy.

Người Tày có ba ngày lễ chính đó là ngày hội tháng giêng, ngày mừng 3 tháng 3 và ngày mừng 7 tháng 7 âm lịch. Trong ngày lễ, mâm cúng có xôi nghệ, bánh tày, bánh gio và một con lợn sống giết thịt để tế lễ.

Dân tộc Dao

Cư trú chủ yếu tại xã Hà Lôu, Phong Dụ, Yên Than, Điền Xá, Đông Hải. Người Dao sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, ngoài ra còn trồng thêm một số cây màu như ngô, đậu, sắn... và phát triển nghề trồng cây công nghiệp là cây quế. Bên cạnh đó còn duy trì một số nghề thủ công truyền thống như thêu dệt thổ cẩm, làm giấy bản.

Về trang phục truyền thống, đàn ông mặc quần màu chàm đen, áo ngắn tay hoặc dài tay màu chàm đen có trang trí một số họa tiết đỏ. Trang phục phụ nữ phong phú hơn, giữ được nhiều nét trang trí hoa văn truyền thống. Đầu đội mũ, cổ đeo vòng bạc. Cô dâu trong ngày cưới đội khăn hoặc mũ màu đỏ, chú rể không đi rước dâu mà ở nhà chờ đón cô dâu về. Việc rước dâu do ông Mờ (người của họ nhà gái chịu trách nhiệm đưa cô dâu về nhà chồng) đảm nhiệm.

Trong quan hệ gia đình, hiện nay người Dao còn duy trì quan hệ gia đình hai thế hệ hoặc ba thế hệ. Người chồng giữ vai trò là chủ gia đình, người vợ làm công việc đồng áng và nội trợ.

Lễ hội của người Dao có lễ du xuân, lễ cấp sắc để công nhận cho các chàng trai đã bước vào tuổi trưởng thành. Trong lễ hội có các trò chơi dân gian như: đánh gụ, đẩy gậy, đánh cầu lá, ném còn, kéo co, bắn nỏ.

Dân tộc Sán Dìu

Tập trung chủ yếu ở xã Hải Lạng, Đông Ngũ. Người Sán Dìu chủ yếu làm ruộng lúa, có một phần ruộng nương, thêm vào đó còn chăn nuôi, khai thác lâm sản, đánh bắt nuôi thả cá. Phụ nữ Sán Dìu có tập tục ăn trầu và thường mang theo mình chiếc túi vải đựng trầu hình múi bưởi có thêu nhiều hoa văn rực rỡ, kèm theo là con dao mổ cau có bao bằng gỗ được chạm khắc trang trí rất đẹp. Người Sán Dìu ở thành từng xóm nhỏ, nhà trệt, mái lợp rạ

hoặc tranh.

Người Sán Diu thờ cúng tổ tiên, táo quân, thổ thần, nhiều nhà lập bàn thờ bà Mụ bảo hộ trẻ con. Trong một năm đồng bào có các lễ: thượng điền, hạ điền, cơm mới, cầu đảo...gắn theo chu kỳ sản xuất. Họ còn thờ cả phật bà quan âm, Tam Thánh và tổ sư của chính mình.

Thơ ca dân gian của người Sán Diu phong phú, việc dùng thơ ca trong sinh hoạt hát đối nam nữ (soọng cô) rất phổ biến. Truyện kể, truyện thơ khá đặc sắc. Các điệu nhảy múa thường xuất hiện trong đám ma. Nhạc cụ có tù và, kèn, trống, sáo, thanh la, nã bạt cùng để phục vụ nghi lễ tôn giáo.

Dân tộc Sán Chỉ

Là một dân tộc không đông so với các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tiên Yên nhưng là dân tộc có bề dày truyền thống, có nhiều nghệ thuật dân gian cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy.

Dân tộc Sán Chỉ sinh sống chủ yếu tại các xã Đại Dực, Đại Thành, Đông Hải. Nghề truyền thống của người Sán Chỉ là trồng lúa trên ruộng bậc thang. Ngày nay có thêm nghề làm miến dong. Người Sán Chỉ sống thành bản làng trong thung lũng, ven các bờ núi cao, nơi có khe suối làm ruộng bậc thang và đánh bắt cá. Với đặc điểm tự nhiên là vùng núi đá nên người dân tại đây sử dụng nhiều vật liệu đá cuội có sẵn, xếp chồng lên nhau, kè chặt tạo ra được một bức tường đá khá kiên cố. Người dân cũng dùng đá cuội để kè vườn, kè ruộng, đường, nền nhà, sân. Đá cuội đã mang lại cho cảnh quan bản làng một sự khác biệt, lí thú.

Nhà của người Sán Chỉ được cố kết chắc chắn, nhà xây thấp, nhỏ, ít cửa. Người Sán Chỉ sử dụng kỹ thuật mộng lòn và ngoãm để liên kết các bộ phận là chính. Các mộng lòn đầu được gia cố bằng con chiêm. Tường nhà có ba cặp kèo, đóng vai trò là phần khung chứ không thuộc phần mái như các vùng khác. Nhà ở truyền thống của người Sán Chỉ ở Tiên Yên là nhà đất, hai mái lợp ngói âm dương.

Trang phục của người Sán Chỉ đầu tiên phải kể đến chiếc khăn với nhiều

hoạ tiết hoa văn cầu kì đội trên đầu. Phụ nữ Sán Chỉ thường có mái tóc dài được bện chặt, quấn tròn quanh đầu rồi dùng chiếc cặp lá kẹp chặt và chiếc châm cột chặt tóc lại. Sau đó, chiếc khăn với nhiều hoạ tiết hoa văn được đội lên đầu vừa để trang trí vừa để tránh nắng. Nam giới mặc áo màu trầm, nữ giới mặc áo “uỳnh ương”(Pà dăn đĩnh) được may bằng vải màu xanh hoặc đen, được trang trí khá công phu, dùng chiếc dây của bao da thay cho thắt lưng. Trong những dịp lễ tết, hội hè các cô gái mới dùng thắt lưng bằng lụa hoặc nhiều mỗi khi dùng họ thường thắt 2,3 chiếc với màu sắc khác nhau.

Đám cưới của người Sán Chỉ mang nhiều nét văn hoá độc đáo thể hiện sinh hoạt văn hoá tinh thần của tộc người. Đám cưới thường trải qua các bước sau:

Lễ xin lá số - đặt trầu (Pá làng lậu)

Khi đôi trai gái đã tìm hiểu nhau, chàng trai về thưa chuyện với cha mẹ để sang nhà cô gái đánh tiếng. Nếu đôi trai gái là người cùng làng thì hai gia đình đã biết nhau, nhưng nếu cô gái là người làng khác, trước khi sang nhà cô gái, bố mẹ chàng trai phải nhờ một người thân thích (thường là ông bác hoặc là ông cậu) xem xét cửa nhà và đức hạnh của con dâu tương lai.

Sau khi bàn bạc trong gia đình, nhà trai cử ông bác hoặc ông cậu sang nhà gái và mang theo lễ vật gồm : 4 bát trầu cau (mỗi bát có 2 lá trầu và 2 quả cau) để thưa chuyện (người Sán Chỉ quan niệm, 4 bát trầu tượng trưng cho bố, mẹ, chàng trai và cô gái). Đại diện nhà trai trình bày mong muốn và đưa sổ lục mệnh của cô gái để nhà trai tiến hành xem tuổi cho đôi trai gái có hợp nhau không.

Ngày hôm sau không thấy nhà gái trả lại trầu cau, nhà trai nhờ thầy xem chàng trai và cô gái có hợp mệnh với nhau không. Nếu hợp trong thời gian 2 – 3 ngày sau đó, nếu không thấy có gì đặc biệt ví dụ như mắt cặp, đổ vỡ nôi niêu hoặc mơ thấy điều xấu thì nhà trai cử người đến nhà gái để xin định ngày đặt gánh (ăn hỏi). Trong trường hợp ngược lại, nếu không hợp mệnh hoặc mơ thấy điềm xấu, nhà trai sẽ chủ động đưa tin sang nhà gái và không định ngày

đặt gánh. Thông thường, ngày đặt gánh cũng được nhà trai trao đổi, bàn bạc với gia đình nhà gái sau khi có sự ưng thuận của gia đình và cô dâu tương lai. Người Sán Chỉ thường chọn ngày chẵn hàng tháng, ngày phúc sinh, ngày hữu an để tiến hành ăn hỏi và đón dâu bởi họ quan niệm đó là những ngày tốt cho việc cưới xin.

Lễ đặt gánh (hỏi mấn)

Đến ngày đã hẹn, đại diện nhà trai (gồm hai người là ông bác hoặc ông cậu hay một trong những người thân trong gia đình và một thanh niên gánh đồ) đến nhà gái để xin đặt gánh. Lễ vật mang theo gồm: 12 chiếc bánh dày, 2 chai rượu, 2 bó mì hoặc 2 bìa đậu phụ, 2 con gà sống, 4 bát trầu (mỗi bát 2 lá), một vuông vải màu đỏ thêu hình bát giác hoặc hình trái tim.

Nghi thức buổi lễ đặt gánh ở nhà gái diễn ra khá đơn giản. Mục đích của buổi lễ là bàn bạc và quyết định đồ sính lễ cho ngày cưới. Tham gia vào lễ có đại diện nhà trai (có ông bác, người gánh), bố mẹ và ông cậu, ông chú và một vài người già bên gia đình nhà cô gái. Khi nhà trai tới, nhà gái làm lễ cúng ma nhà để trình báo và mời nhà trai ăn cơm. Sau đó cả hai gia đình thảo luận công việc tiếp theo. Đại diện nhà trai chủ động đặt vấn đề trước về đồ thách cưới (hỏi tềnh). Nhà gái thách quá nhiều thì phải “ông nhau kệt lung” có nghĩa là bên nhà gái sau khi thách cưới phải vùi lỗ chân trâu, sắp sửa đủ đồ lễ, tiền bạc để con gái về làm vốn và trang trải ở bên nhà chồng.

Khi đã thống nhất xong hỏi tềnh với gia đình nhà gái, đại diện nhà trai về thông báo cho bố mẹ chú rể để chuẩn bị và tìm ông mối. Ông mối được lựa chọn phải là người khác họ tộc của hai bên cha mẹ, còn đủ đôi, con cái đông đúc, được mọi người tôn trọng, kính nể, thạo ăn nói, biết nhiều về phong tục tập quán dân tộc.

Sau lễ đặt gánh là thời kỳ ăn giá bạc, tức là thời kỳ hai họ đi lại và đôi trai gái đi lại tìm hiểu về nhau. Thời gian này có thể kéo dài từ một đến ba năm. Hiện nay, nhiều đám cưới của người Sán Chỉ thời kỳ ăn giá bạc kéo dài chỉ từ một tháng đến nửa năm.

Lễ cưới

Gần hết thời gian ăn giá bạc, khi nhà trai đã chuẩn bị đầy đủ mọi thứ cho lễ cưới, ông mới tới gia đình nhà gái bàn bạc và xin định ngày cưới (hỏi hen vò). Nhà gái nhận lễ và thông báo cho anh em, họ hàng thân thuộc, xóm làng về ngày giờ đám cưới.

Trước hôn lễ một hôm thường là ngày dựng rạp, nhà trai đem đủ lễ vật đến nhà gái. Ngày đón dâu, trước khi sang nhà gái, những lễ vật và trang phục của những người đi đón dâu đều phải được tập trung tại chính giữa nhà để ông quan lang làm phép. Khi xuất phát, quan lang ra khỏi nhà đầu tiên, đứng dưới mái nhà, làm phép và dương ô lên, những người đi đón dâu trong đoàn lần lượt chui qua cánh tay ông. Sau đó ông chụp ô lại và cặp ô ở nách cho tới lúc đoàn đón dâu hiện diện ở nhà gái. Đồng bào quan niệm, hồn vía của những người đón dâu đã nằm gọn trong chiếc ô ấy, trên đường đi họ không sợ ma tà làm hại nữa. Đoàn đón dâu có sáu người. Đi đầu là ông quan lang (tào pu), kế đến là chú rể, cô đón dâu (pá chíp), người gánh và ông mối (pu nhân). Hiện nay số người đi đón dâu có thể nhiều hơn nhưng nhất thiết phải là số chẵn bởi quan niệm: đi số lẻ cô dâu chú rể sẽ không hợp duyên số, không hạnh phúc. Lễ vật xin đón dâu thường gồm: 24 chiếc bánh dày nhỏ và 2 chiếc bánh dày to (2 chiếc bánh dày to này là để dành cho người bác, người dì mặc quần áo cho cô dâu); 2 con gà thiến đã luộc chín được sắp xếp quay đầu vào nhau, ngang cánh hình cánh phượng; 2 chai rượu (mỗi chai 1 lít) trong đó có 1 chai lấy giấy đỏ cắt hình bát giác buộc chặt nút chai bằng dây màu đỏ; 4,2m vải chiêm bâu để biểu bố mẹ vợ; 1 đôi khuyên bằng bạc trắng.

Trên đường đi đón dâu, nếu gặp đám trẻ đang chơi ngoài đường, nhà trai phải cho kẹo tiền. Trước khi đến nhà gái, nhà trai phải nghỉ trọ ở một nhà gần đó để sửa soạn. Dù chỉ một lúc cũng phải nghỉ. Trong thời gian này, ông mối đến nhà gái xin đón dâu: lần một là báo đến; lần hai là báo lễ đầy đủ; lần ba là xin lên nhà. Chỉ khi nào nhà gái cho phép, đoàn đón dâu mới rời nhà trọ đến nhà gái. Khi đến, nhà gái đã chằng dây lưng ngang ra ngoài cửa ra vào, trên

dây có thắt một cái nơ đỏ. Nhà trai phải hát để chào hỏi nhà gái, nhà gái sẽ hát những câu chât vắn về trời đất, về phong tục. Nội dung các câu hát là chúc mừng cho gia đình, cho cô dâu. Sau khi hát đối đáp xong, nhà gái mở cửa chào đón nhà trai vào nhà. Lúc vào nhà, ông mối mới giao lễ, và nhà gái cũng cử người ra nhận lễ, chàng rể vào nhà làm lễ gia tiên. Lễ vật dâng lên gồm đôi gà trống thiến đã luộc sẵn tượng trưng cho hai con phượng hoàng, bốn bát trầu cau và chai rượu có buộc dây đỏ. Ông mối thưa chuyện với nhà gái để đón cô dâu, hẹn giờ ra cửa. Đoàn đón dâu ngủ lại một đêm để hát sinh ca với nhà gái. Cả hai họ vui vẻ cùng nhau để hát ca chúc cho đôi vợ chồng trẻ. Trong đêm ấy, người đại diện bên nhà cô dâu phải hát mời hai họ uống rượu và cảm ơn mọi người đã đến mừng đám cưới. Sáng hôm sau, trước giờ đón dâu, nhà gái dọn cỗ mời nhà trai và khách khứa ăn (tiệc ra cửa). Họ hàng thân thích tặng cô dâu chú rể những món quà đầy ý nghĩa cầu mong hạnh phúc cho đôi vợ chồng trẻ.

Cô dâu về nhà chồng với trang phục váy, áo trùm mới, lưng thắt dây 5 màu, tay cầm ô. Đi cùng cô dâu về nhà chồng là một cô phù dâu phải là người còn trinh trắng và phải biết hát, thường là bạn thân thiết của cô dâu. Khi bước qua ngưỡng cửa nhà mình và lúc bước chân vào nhà chồng cô dâu phải bỏ miếng trầu hoặc đồng xu xuống, lấy chân day một lỗ, nhét trầu (hoặc đồng xu) và lấp lại. Đi ngang qua qua cổng nhà mình cô dâu đứng thật lâu trước một cái cây và ông tào pu phải dùng con dao chém một cành cây ở đó. Khi ấy cô dâu mới chịu về nhà chồng. Lúc qua cầu, khi vượt suối cô dâu đều phải trôn một miếng trầu hoặc một đồng xu xuống dưới đất. Còn ông tào pu với con dao như thường ngày đi làm nương có nhiệm vụ đập vào những vật chắn ngang đường như hòn đá to, khúc gỗ hoặc cành cây... với ý nghĩa là dọn đường cho cô dâu đi.

Đoàn đón dâu sắp về đến nhà trai, ông tào pu phải nhanh chân về trước báo. Nhà trai lúc này đã chuẩn bị sẵn một mâm rượu ở ngoài sân gồm có một đĩa trầu cau, một chai rượu, một ấm nước và vài cái chén. Cô dâu về đến nhà,

ông bác chú rể mời mọi người trong đoàn đón dâu uống nước và làm lễ cúng tổ tiên với ý nghĩa thông báo có thêm thành viên mới. Khi cô dâu bước vào gian buồng riêng, người ta dọn một mâm cơm gọi là bữa ăn lấy giờ nhập gia. Cùng ăn mâm cơm này có cô dâu, cô phù dâu, cô đi đón dâu và em gái chú rể. Đồng thời một cô gái còn trinh trong họ sẽ đem một bát gạo ở phía dưới có để một chiếc vòng tay bằng bạc đưa cho cô dâu. Cô dâu lấy vòng bạc đeo vào tay. Chiếc vòng bạc này là do bố mẹ chú rể mua tặng. Sau bữa cơm, ông mới làm lễ tơ hồng. Ông làm phép, hai tay chao đi chao lại hai chén rượu. Cô dâu và chú rể uống hợp rượu đã có phép tương tự, mỗi người nhận lấy một chiếc nhẫn bạc và chiếc khăn là quà mừng của ông mới. Trong khi mọi người đang ăn uống thì hai người đại diện nhà gái mang chăn màn, quần áo và những thứ cha mẹ trao cho cô dâu giao cho đại diện nhà trai. Sau đó, họ hàng, khách khứa cùng nhau ăn uống và chúc mừng cô dâu chú rể mong họ sống hạnh phúc và yêu thương nhau ruốt đời.

Chiều tối, ông bác và ông cậu nhà gái sang nhà trai để bàn chuyện xin phép được đưa cô dâu về lại mặt (lại lồi). Đêm hôm đó, cô phù dâu ngủ lại cùng cô dâu ở nhà chồng. Sáng hôm sau, pá chíp dẫn cô dâu ra giếng hoặc suối gánh về hai ống bương đầy nước về nhà làm cơm. Sau đó, cô dâu cùng bá chíp về nhà bố mẹ đẻ (lại mặt), còn chú rể thì đến hôm sau sẽ cùng em gái ruột hoặc em gái họ mang lễ vật theo sang nhà gái. Ngày thứ ba, đôi vợ chồng trẻ mang một con gà thiến và một chai rượu sang thăm ống mới. Tại đây, đôi vợ chồng trẻ ăn một bữa cơm và được ông mới tặng khăn, áo, vải... từ đây ông mới được đôi vợ chồng trẻ coi như bố mẹ đẻ và phải cúng tế để tang khi ông chết.

Theo phong tục của người Sán Chỉ, cô dâu phải ở nhà bố mẹ đẻ đến khi có con đầu lòng mới được về ở hẳn bên nhà chồng. Trong thời gian đó, cô dâu có thể sang thăm nhà chồng.

Chuyện báo hiếu với người đã khuất ở người Sán Chỉ cũng khá độc đáo. Người ta đánh giá con có hiếu với cha mẹ đã khuất hay không qua việc

mua nhà táng với thầy mo. Nhà táng được mua với giá càng cao thì chứng tỏ đó là người có hiếu với cha mẹ. Người chết được chôn cất sau 3 ngày làm đám ma, sau đó tùy thuộc vào điều kiện từng gia đình mà có thể để từ 1 đến 3 năm mới làm giỗ hết tang một lần, rồi từ đấy trở đi không bao giờ làm giỗ nữa.

Dân tộc Sán Chỉ có một nền văn hoá lâu đời không thể trộn lẫn. Một trong những phong tục đặc thù của nền văn hoá đó là “Slạm nhịt hội”. Đó là ngày hội của áo khăn, của những làn điệu Soóng cọ, và sâu xa hơn đó còn là ngày của tình yêu tự do. Hội được mở duy nhất vào ngày 16 tháng 3 âm lịch, khi việc ruộng nương đã xong, tất cả các loài hoa mùa xuân đều khai mãn. Tuy chỉ có một ngày nhưng những người tham gia hội phải chuẩn bị từ trước cả tuần lễ. Phụ nữ áo khăn phải chuốt nếp. Tóc chiều nào cũng phải gội bằng hai thứ lá “coóng cạy mộc” và ketch tái thặng” cho thật thơm, thật óng. Đàn ông phải lo cất rượu thật ngon, lấy cất giang làm khuôn mũ rồi bọc vải chàm phẳng phiu. Chính hội là 16 xong người ta thường lên đường từ một ngày trước đó và có thể rong ruổi qua ngày 17. “Slạm nhịt hội” không đơn thuần chỉ là ngày hội làm sống lại truyền thống của cả cộng đồng mà đó còn là một ngày mà mỗi người đều được trả lại quyền tự do tối thượng. Ngày đó cho phép người ta bước qua mọi lề luật của đời sống hôn nhân, là khoảnh khắc ngán ngủi để người ta giải phóng những xung cảm chồng chất và sống trọn vẹn cho hạnh phúc.

“Slạm nhịt hội” mà không có soóng cọ thì không thành hội. Người đi hội nhất nhất phải biết hát. Thuộc nhiều ca từ dân ca đã khó, biết ứng tác cho hay, làm mê lòng người hát với mình càng khó hơn. Ngày nay trong những ngày hội của đồng bào vẫn vang lên những câu hát soóng cọ

“Dần mời sinh
Sláu nhạ sệch chí dần mời chòi
Dần mời sinh sáu thảo vạ phát
Dần mời sinh sáu lầy vạ hơi”

(Mời muội hát
Tay cầm viên sỏi mời muội gieo
Mời muội hát đến hoa đào nở
Mời muội hát đến hoa mận khai)

“Kín mời hèn lầu thầu tà tà
Mẩn mời cù ná sái vạ quậ
Sái vạ mào kín thầu xoòng xép
Thầu lìn mào kín sáu vạ quậ”

(Thấy muội đi đường cúi cúi đầu
Hỏi muội đi đâu chơi hoa về
Phơi hoa không thấy cài trên tóc
Hía hoa sao không cầm trên tay)

“Nhện giăng tơ
Sớm giăng trước cửa, chiều giăng bờ rào
Giăng trước cửa sớm chiều thấy
Giăng ở lòng anh ngày đêm nhớ”

“Bẻ lầy rào
Bẻ cành xanh rào đầu đường
Bẻ cành xanh rào lối rẽ
Không cho người bay qua châu khác”

“Nhát tiển anh ra về
Ra cửa ba bước chúc anh may mắn
Bạn của ta ta mới tiển
Không lời nói tiển người dung”

Âm thực

Tiên Yên không chỉ đẹp về cảnh quan cùng với tình cảm con người mà Tiên Yên còn là nơi có những món ăn rất hấp dẫn, tuy không dán nhãn hiệu bằng pháp luật nhưng được lưu truyền trong dân gian rất độc đáo.

Tiên Yên là địa danh nổi tiếng trước hết trong câu: “*Lợn Móng Cái, gái Đầm Hà, gà Tiên Yên*”

Tiên Yên có món đặc sản gà đồi trứ danh. Gọi là gà đồi là bởi giống gà địa phương ở đây truyền đời được nuôi thả rong, hàng ngày chúng “cuốc bộ” lang thang trên các triền đồi để tự túc kiếm ăn từ các loại trùng, dế, kiến, mối. Chiều xuống, về vườn, lũ gà này lại có thói quen bay lên ngủ trên các cành cây. Người ta nói vì những cuộc “bộ hành” và “phi hành” triền miên ấy và nhờ những thứ thực phẩm thiên nhiên độc đáo ấy mà thịt gà Tiên Yên ngọt thơm một cách đặc biệt, săn chắc mà vẫn giòn, không dai; béo mà không ngậy. Người các nơi còn gọi giống gà này là “gà râu”, vì dưới mỏ con gà mái lại có túm lông dài. Gà Tiên Yên là loại gà nuôi thả, mỏ nhỏ, chân vàng, thịt rất thơm.

Thịt gà Tiên Yên có thể chế biến đủ các món, vẫn không “khuất” cái nét ngon riêng, nhưng món ngon nhất vẫn là chế biến theo cách đơn giản nhất: luộc. Nhìn con gà Tiên Yên sau khi luộc, bạn khó tin là nó chỉ được luộc một cách thông thường, vì da nó vàng ươm như có thoa nghệ và bóng nhẫy như vừa nhúng mỡ. Da gà Tiên Yên không chỉ vàng mọng mà còn rất dày. Thoạt trông, bạn có thể ngậy vì chất béo, nhưng khi cắn một miếng, bạn mới thấy nó thật giòn và ngọt.

Đường ra Móng Cái ở đâu cũng thấy quảng cáo cho “gà đồi”, hay còn gọi là “gà đi bộ”, loại gà nuôi thả vùng bán sơn địa, suốt ngày lang thang trên những sườn đồi kiếm mối, tìm sâu. Nhưng chỉ gà đồi ở Tiên Yên là “không nơi nào có được”. Con gà luộc Tiên Yên bày trong tủ kính nhà hàng vàng tươi, bóng nhẫy, căng tròn, thịt gà chặt miếng bày lên đĩa đảm bảo chỉ bằng mắt cũng đã thấy ngon. Ăn thịt gà ở Tiên Yên, không thể thiếu món ăn kèm là

bánh gật gù.

Bánh gật gù

Bánh gật gù là loại bánh tráng tươi cuộn thành từng cuộn. Bánh được tráng bằng bột gạo. Người tráng múc bột đổ lên mặt vải bung kín chiếc miệng nôi 50lít, hơi bốc ngùn ngụt, rồi xoa cho nước trải mỏng ra. Khi chiếc bánh chín, người tráng cầm một chiếc que dài cỡ 50cm bóng nhoáng, nhắc nhẹ chiếc bánh rải trên mặt bàn rồi cuộn, rồi gấp giống như người ta tráng bánh đa. Nhưng bánh để cuộn làm bánh gật gù thì tráng phải mỏng hơn tráng bánh đa và dày hơn tráng bánh cuốn. Chu vi của chiếc bánh khoảng 40 - 50cm, cuộn lại thành một chiếc bánh tròn bằng đầu ngón tay cái dài chừng 25 - 30cm. Nếu cuộn ngắn và to quá thì bánh không gật gù, nhỏ và dài quá thì chiếc bánh gật xuống không gù lên được.

Gạo để làm bánh tốt nhất là gạo bao thai. Gạo bao thai giá không quá đắt. Một cân gạo làm được 8 chiếc bánh, mỗi chiếc bánh 1lạng, khi bán không cần phải cân. Trước khi xay gạo phải vo thật sạch, vo nhiều lần. Nếu vo ầu, gạo bần bánh sẽ chua và nát. Sau khi vo sạch thì cho gạo vào ngâm thời gian từ 3 đến 7 ngày. Sau thời gian đó nếu gạo không làm hết thì lại vo lại và ngâm vào nước khác. Sau khi ngâm gạo được vớt lên cho ráo nước rồi cho vào xay. Gạo phải xay 2 lần, một lần xay thô và một lần xay tinh. Bí quyết để bánh dai và giòn là khi xay bột người ta trộn vào gạo ít cơm nguội và ph ải xay thủ công bằng cối đá.

Bánh ăn ngon nhất là sau khi tráng khoảng 1 tiếng. Dù ăn kèm với thịt gà nhưng bánh gật gù vẫn có loại nước chấm riêng được làm từ mỡ gà rán hoà với nước mắm cốt, hành khô, tỏi, ớt. Bạn có thể cầm bánh gật gù chấm nước mắm, ăn vào thấy người râm ran nóng, má hồng, mắt áng, miệng xuýt xoa, rồi tự nhiên vừa ăn, vừa gật gù, tẩm tặc. Người Tiên Yên bảo bánh gật gù chẳng những ngon, bổ mà còn là thứ thuốc giải cảm

Khau nhục

Là một huyện khá gần với biên giới Trung Quốc nên số người Hoa đã có

mặt sinh sống khá đông ở đây từ lâu. Khi đến Tiên Yên họ mang theo những tập tục, lễ lối và cả những món ăn truyền thống trong đó có khâu nhục

Món Khâu nhục màu nâu đặt trong cái đĩa sâu lòng lùm lùm như đĩa xôi, chúng tỏ chúng đã được đặt trong một vật dụng nào đó có hình lòng bát để hấp hay nấu chín, khi bày ra thì úp ngược lại. Đó là những miếng thịt ba chỉ cắt dọc dày độ 3cm, dài chừng 12cm thấm đẫm gia vị Tàu, xếp thịt vào nhau và làm cho nhừ nhưng vẫn còn nguyên miếng, không nát nhưng ăn với xôi trắng thì nó rất quện. Xôi thì trắng muốt, dẻo, thơm, nóng hôi hổi. Khâu nhục tương rất mỡ nhưng không béo, thơm hương vị thuốc Bắc, đậm đà, vừa ăn.

Món khâu nhục thường được làm trong cỗ bàn sang trọng hoặc để tiếp khách phương xa. Muốn làm món khâu nhục phải công phu từ khâu chọn thịt lợn. Thịt ba chỉ của con lợn từ 70 - 80 kg là vừa không bị béo quá. Phải là thịt ba chỉ ngon (không lấy thịt ba chỉ bị long) ước lượng mỗi bát khâu nhục là 8 miếng, mỗi bát từ 0,5 - 0,6kg thịt. Thịt ba chỉ mua về cạo sạch lông rửa sạch ráo nước, cắt miếng to khoảng 0,5kg để cho vào nồi luộc chín tới. Vớt thịt ra để cho thịt nguội, người ta dùng que nhọn đâm chi chít liên tục nhiều lần lên phần bì của miếng thịt, châm thật kỹ để sau này món bì có khả năng hấp thụ nước cho thật mềm. Càng châm được kỹ miếng thịt sẽ càng mềm càng ngon. Sau đó cho miếng thịt ngâm vào chậu dấm, vớt ra bắt đầu tẩm húng liu, xì dầu và đổ vào chậu mỡ chao cho vàng miếng thịt. Khi đã vàng bỏ ra cho vàng miếng thịt. Khi đã vàng mang bỏ ra cho ráo mỡ và để nguội, khoai môn hoặc khoai lang gọt vỏ rửa sạch thái thành lát cũng cho vào mỡ chao giòn, vớt để nguội. Gia vị của món khâu nhục cũng rất cầu kỳ. Lá tàu soi (một loại rau muối mặn) đem rửa kỹ cho hết sạn và độ mặn. Băm nhỏ lá tàu soi làm nhân, sau đó dùng gia vị gồm tương tàu choong, xì dầu, húng liu, tỏi giã nhỏ đem trộn đều vào lá tàu soi. Xếp lá tàu soi xuống dưới, khoai môn hoặc khoai lang chao lên trên. Thái thịt thành từng miếng độ dày mỗi miếng 1,5cm (mỗi bát 8 miếng) xếp thịt lên đĩa thành hình tròn úp bát to vào lật lại để nguyên đĩa, xếp từng bát thịt vào nồi hấp cách 3 - 4 giờ để cho thịt chín mềm nhừ, khi xếp cỗ

hoặc dọn mâm bê món khâu nhục ra ăn nóng. Mùi vị thơm ngon.

Cà Sáy Tiên Yên

Cà sáy là loại vịt lai ngan. Giống vịt lai ngan đã được dân địa phương thuần chủng và nuôi tại đây từ lâu đời. Người Tiên Yên làm thịt cà sáy và chế biến món nước chấm chuyên dùng của nó rất đặc biệt. Một thứ nước chấm có vị thơm của nước mắm Cái Rồng, Vạn Yên, Cát Hải, lại có vị ngọt ngào, nồng ngậy của xá xí Quảng Tây cùng với vị cay dịu của giống gừng trồng trên đất Tiên Yên. Thịt cà sáy không phải vịt cũng chẳng phải ngan nhưng hương vị lại có cả hai và qua bàn tay của người Tiên Yên chế biến thì lại ngon lên gấp bội

Miến dong

Miến dong là món ăn không thể thiếu trong các dịp lễ tết, mang lại cuộc sống ấm no cho không ít các gia đình bà con dân tộc Sán Chỉ ở các xã Đại Dực, Đại Thành, Phong Dụ. Miến dong Tiên Yên có độ dai, trong suốt, ninh lâu vẫn không nhão. Sản phẩm miến dong được làm từ những đôi bàn tay khéo léo và nguyên liệu thuần khiết là bột dong. Quy trình làm miến dong luôn đảm bảo các yếu tố như: nguyên liệu nguyên chất và quy trình chế biến đảm bảo vệ sinh. Để có sợi miến ngon bà con đã biết chọn loại dong củ to, đều và già. Miến dong có đặc điểm dai, giòn có hương thơm đặc trưng của bột dong. Miến dong thường được đóng thành túi 1kg, là món quà đặc sản và hấp dẫn.

Khoai lang

Một trong những món ăn ngon dân dã của Tiên Yên nữa đó là món khoai lang. Khoai có vị ngọt, bùi, dẻo, mềm quyện vào nhau như cặp vần sáu, tám trong thể thơ lục bát. Khoai nở ra thơm nức mũi và sắc màu lại thanh nhã lạ lùng. Vừa ăn vừa nghe những câu lục bát vọng lên:

Trăng rằm đã tỏ lại tròn
Khoai lang đất cát đã ngon lại bùi

Những củ khoai lang đã khô đem nướng, tiết ra một thứ mật vàng óng như đường, có một vị thơm lạ lùng, không quá ngọt nhưng đủ để gieo vào lòng những người lần đầu thưởng thức một cảm giác thích thú lạ thường.

Khoai lang để càng lâu càng ngọt, chính vì vậy khoai để từ tháng 3 đã đủ lâu để khi nướng có thể cho ra mật.

Khi đến Tiên Yên, ngoài những đặc sản đặc trưng kể trên, bạn còn có thể được thưởng thức những món ăn được chế biến từ hải sản như tôm he, cua, ghẹ, cù kì...và những món ăn được chế biến từ lợn rừng, dũi. Một lần đến với Tiên Yên và thưởng thức những món ăn của miền đất này hẳn sẽ khiến bạn nhớ mãi bởi sự độc đáo, tinh túy và mang đậm bản sắc quê hương của ẩm thực nơi đây.

2.2.4 Đánh giá tài nguyên du lịch huyện Tiên Yên

2.2.4.1 Lợi thế

Huyện có tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú, đa dạng và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hoà của các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, thực động vật. Với sự phong phú về tài nguyên này huyện có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh, nghỉ dưỡng, leo núi...

Là một huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh và là cửa ngõ miền Đông, Tiên Yên có vị trí thuận lợi để thu hút các đoàn khách khi đến Quảng Ninh, các đoàn khách từ Trung Quốc sang theo cửa khẩu Móng Cái.

Quảng Ninh là một tỉnh kinh tế trọng điểm phía Bắc, nên huyện Tiên Yên có cơ hội đón nhận và tận dụng sự phát triển chung của vùng. Trước hết là đón nhận sự đầu tư vào kết cấu hạ tầng như đường bộ, bến cảng... cho phát triển kinh tế-du lịch.

Là một huyện vừa có núi vừa có biển, Tiên Yên có khả năng vừa phát triển du lịch biển, vừa phát triển du lịch núi. Tiên Yên là một huyện có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch văn hoá cộng đồng.

Hiện nay huyện đang tăng cường đầu tư và khuyến khích các nhà đầu tư phát triển một số ngành dịch vụ như khách sạn, nhà hàng ăn uống, dịch vụ vui chơi giải trí, xây dựng khu trung tâm văn hoá thể thao huyện, tiếp tục thực hiện

dụ án chính trong đô thị khu 2 bên bờ sông Tiên Yên. Đầu tư công nghệ chế biến để tạo ra sản phẩm hàng hoá có thương hiệu riêng biệt của huyện như gà Tiên Yên, kẹo lạc hồng, rượu mã kích, bánh gặt gù, miến dong Đại Dực, khoai lang Đồng Rui. Phát huy năng lực của các cảng trên địa bàn huyện như cảng Mũi Chùa, cảng kho 2, cảng Bến Châu. Phân đấu tốc độ tăng trưởng ngành thương mại dịch vụ đạt bình quân 19% năm.

2.2.4.2 Hạn chế

Do đặc điểm về thời tiết, khí hậu và các yếu tố bất lợi như bão, mưa, sương muối... nên hoạt động du lịch sẽ bị ảnh hưởng nếu chỉ khai thác các lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên. Vì vậy, đối với du lịch huyện Tiên Yên, điều quan trọng để hoạt động du lịch là phải khai thác các thế mạnh về tài nguyên tự nhiên và nhân văn, đồng thời phải tổ chức các loại hình du lịch phù hợp với đặc điểm khí hậu của vùng.

Huyện có nhiều di tích lịch sử văn hoá nhưng đến nay vẫn chưa có một đơn vị nào nghiên cứu và xếp hạng các di tích. Chưa có một quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, lại thiếu vốn đầu tư nên việc quản lý và bảo vệ tài nguyên còn nhiều hạn chế. Nhiều di tích bị xuống cấp, đất đai bị lấn chiếm, cảnh quan môi trường bị phá vỡ.

Tài nguyên du lịch của huyện vẫn còn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác vì thế vấn đề đặt ra là phải đánh giá được đúng tài nguyên của huyện. Trên cơ sở đó các cấp, các ngành có liên quan cần có quy hoạch để đầu tư, tôn tạo, bảo vệ và khai thác một cách tốt nhất, đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng và góp phần phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Tiểu kết chương 2

Từ lâu miền đất Tiên Yên được chọn là nơi buôn bán, làm ăn đã trở thành một trung tâm về kinh tế-xã hội khu vực Đông Bắc của Quảng Ninh. Với vị trí chiến lược quan trọng, khi thực dân Pháp đô hộ cũng đã chọn Tiên Yên là trung tâm chỉ huy và điều động lực lượng, hậu cần, vũ khí đến các vùng lân cận của tỉnh và các tỉnh phía Bắc.

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

Ngày nay, với vị trí ấy Tiên Yên có điều kiện thuận lợi để gắn kết với các tour du lịch đến Quảng Ninh và là điểm dừng nghỉ chân của các chuyên du lịch đi Móng Cái và từ Móng Cái đi các tỉnh. Tiên Yên cũng có tiềm năng để phát triển du lịch với nhiều điểm có cảnh quan hấp dẫn. Tuy nhiên hiện nay, du lịch Tiên Yên chưa phát triển và chưa được đánh giá đúng vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trên cơ sở phân tích một số tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn để từ đó đánh giá những thuận lợi cũng như hạn chế trong việc đưa tài nguyên vào khai thác phục vụ du lịch. Từ những đánh giá này để đề ra những định hướng và giải pháp để du lịch Tiên Yên thực sự phát triển.

Chương 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1 Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch của huyện Tiên Yên

3.1.1 Giao thông vận tải và thông tin liên lạc

Trên địa bàn huyện có nhiều tuyến quốc lộ đi qua. Quốc lộ 18 nối liền với Hạ Long và Móng Cái. Quốc lộ 18C từ thị trấn Tiên Yên đi cửa khẩu Hoàn Mô. Quốc lộ 4 chạy dọc từ Mũi Chùa qua Tiên Yên một đoạn dài khoảng 10km, nối Tiên Yên với các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, là tuyến đường chạy song song với biên giới Việt Trung. Ngoài ra giao thông thuỷ cũng khá thuận lợi với các bến cảng sâu và kín như cảng Mũi Chùa, thác Cối, bến Châu cùng với quần cảng Vạn Hoa ở phía ngoài cửa biển Tiên Yên.

Hiện nay, Tiên Yên đã làm được 13km đường giao thông nông thôn và đều được bê tông hoá, hầu hết các xã đều có đường ô tô về đến tận trung tâm xã. Huyện cũng đang hoàn thiện một số công trình như tuyến đường Đông Ngũ đi Đại Dực dài 12km, đường Điền Xá đi Hà Lâu dài 8km.

Nằm trong dự án nâng cấp cải tạo quốc lộ 18A đoạn Mông Dương Móng Cái, Tiên Yên có các gói thầu số 6,7,8 với tuyến chiều dài trên 30km đi qua 6 xã và thị trấn. Khi dự án hoàn thành thì lưu thông trên tuyến đường này sẽ trở nên thuận lợi hơn.

Các xã trên địa bàn huyện đều có bưu điện văn hoá xã với một hệ thống các máy điện thoại cố định. Huyện cũng có các cột sóng của các mạng điện thoại di động, đảm bảo phủ sóng ngay ở các xã vùng sâu, vùng xa. Huyện có 4 trạm phát sóng truyền hình, một hệ thống phát sóng FM, 110 cụm loa truyền thanh không dây và hàng trăm đài truyền thanh truyền hình.

3.1.2 Hệ thống cung cấp điện nước và cơ sở y tế

Toàn bộ các xã đều đã được lắp đặt và sử dụng mạng lưới điện quốc gia. Huyện có nhà máy thuỷ điện Khe Xoong với công suất 400kv đang được nâng

cấp và sửa chữa để phục vụ người dân.

Nhà máy nước Tiên Yên với công suất trên $100\text{m}^3/\text{h}$ đã được đưa vào sử dụng để cung cấp nước máy cho người dân ở thị trấn và các xã của huyện.

Huyện có một bệnh viện ở thị trấn và ở các xã đều có trạm y tế với chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao.

3.1.3 Cơ sở lưu trú và nhà hàng phục vụ ăn uống

Hệ thống các nhà nghỉ của huyện hiện nay ở quy mô vừa và nhỏ, tập trung chủ yếu ở trung tâm thị trấn.

Huyện có một số nhà bè ở cảng Mũi Chùa xã Tiên Lãng chuyên phục vụ các món hải sản tươi sống. Dọc trên quốc lộ 18 đi Móng Cái có một hệ thống các nhà hàng chuyên phục vụ lâm sản như lợn rừng, dũi.

3.1.4 Dân số và lao động

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2005 dân số ở huyện Tiên Yên là 44.126 người với 9.194 hộ trong đó nam là 22.517 người, nữ là 21.609 người. Tỷ lệ phát triển dân số giảm dần qua các năm từ 2001 đến 2005 là 2,5%.

Mật độ dân số trong huyện phân bố không đều, bình quân trên toàn huyện là $68\text{người}/\text{km}^2$, cao nhất là ở thị trấn $1091\text{người}/\text{km}^2$, xã có mật độ đông nhất là xã Đông Ngũ $148\text{người}/\text{km}^2$, xã có mật độ thấp nhất là Điền Xá $23\text{người}/\text{km}^2$.

Huyện có tổng số 24.052 người trong độ tuổi lao động.

Lao động trong các ngành kinh tế quốc doanh là 21.623 người. Trong đó:

Lao động trong nông - lâm - thủy sản là 15.842 người

Công nghiệp-xây dựng là 620 người

Dịch vụ-thương mại là 1.352 người

Lao động là cán bộ công nhân viên chức là 1.989 người.

3.2 Định hướng phát triển

Định hướng phát triển du lịch huyện Tiên Yên là xây dựng một số dự án cụ thể, xây dựng các tuyến du lịch, tạo sự hấp dẫn để thu hút khách, đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành du lịch ở Tiên Yên, từng bước đưa Tiên Yên

trở thành một trong những huyện và khu vực có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch.

Để thực hiện được các định hướng trên trước hết cần phải:

*Xây dựng các điểm du lịch

- Cảng Mũi Chùa: từ trung tâm thị trấn ngược theo quốc lộ 18A qua cầu Khe Tiên rẽ trái đi Mũi Chùa khoảng 10km.

- Hồ nước ngọt ở thôn Đồn Đạp xã Đông Ngũ cách trung tâm thị trấn khoảng 12km.

- Miếu Đại Vương ở xã Hải Lạng.

- Thác Pạc Sủi ở xã Yên Than.

* Phát triển các loại hình du lịch:

Các loại hình du lịch có thể định hướng để phát triển như: du lịch thăm quan, nghiên cứu, du lịch leo núi, du lịch biển, du lịch văn hoá cộng đồng.

3.3 Định hướng phát triển thị trường khách du lịch

3.3.1 Thị trường khách Trung quốc

Là một đất nước rộng lớn thứ 3 trên thế giới, với dân số 1,3 tỷ người (năm 2004) chiếm khoảng 22% dân số thế giới, Trung Quốc đang được coi là một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế cao trên thế giới. Kinh tế tăng trưởng nên thu nhập của người dân tăng đặc biệt là dân ở các đô thị, các trung tâm kinh tế lớn của Trung Quốc. Thêm vào đó đồng nhân dân tệ trở nên mạnh so với một số ngoại tệ khác (trong đó có Việt Nam), do đó người dân có cơ hội đi du lịch nước ngoài nhiều hơn.

Mặt khác cũng như nhiều nước có nền kinh tế phát triển, cuộc sống công nghiệp đã tạo cho người dân nhiều căng thẳng và áp lực trong công việc. Họ muốn đi du lịch để thay đổi môi trường sống, giải toả stress, nâng cao sức khoẻ và tạo trạng thái tốt khi bước vào công việc.

Hơn thế nữa, xã hội Trung Quốc đang phát triển, xu hướng du du lịch nước ngoài để nâng cao tầm hiểu biết tăng, chính vì vậy du lịch đang trở thành một nhu cầu thiết yếu và trở nên phổ biến với người dân Trung Quốc.

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

Trong xu thế phát triển du lịch đó, Việt Nam một nước láng giềng có chung đường biên giới, có nền văn hoá tương đồng, chính trị ổn định được thế giới bầu chọn là điểm đến du lịch an toàn và thân thiện đã được Quốc vụ viện nhân dân Trung Hoa chính thức đưa vào danh sách 15 nước và lãnh thổ được nhận khách du lịch Trung Quốc. Trong đó Quảng Ninh dường như đã trở thành một điểm đến tất yếu của du khách Trung Quốc bởi nó có nhiều thuận lợi về giao thông với cửa khẩu quốc tế Móng Cái và có vịnh Hạ Long một Di sản thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

Quảng Ninh là mảnh đất giàu tiềm năng, có rừng, có biển, giàu tài nguyên với nhiều cảnh quan đẹp nằm trên các thành phố, huyện thị của tỉnh trong đó có huyện Tiên Yên.

Mười thị trường khách quốc tế lớn lưu trú tại Quảng Ninh

Thị trường	2007	2008
Trung Quốc	206461	210847
Hàn Quốc	143510	206650
Pháp	51627	60168
Đài Loan	39025	41300
Úc	25145	29975
Mỹ	22330	29180
Đức	13165	20615
Anh	13085	12190
Nhật	11870	14500
Thái Lan	9845	33270

Nguồn: sở văn hoá thể thao và du lịch Quảng Ninh

Qua những số liệu thực tế trên có thể nhận thấy số lượng khách du lịch Trung Quốc đến Quảng Ninh ngày một tăng và là thị trường lớn nhất trong 10 thị trường khách quốc tế lưu trú tại Quảng Ninh. Chính vì thế trong định hướng phát triển du lịch của mình Tiên Yên cần chú trọng khai thác thị trường khách đầy tiềm năng này.

3.3.2 Thị trường khách là tập đoàn than khoáng sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Hiện nay theo thống kê của tập đoàn than khoáng sản Việt Nam (TKV) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có tới trên 20 công ty than thuộc tập đoàn than khoáng sản Việt Nam như công ty than Hòn Gai, công ty than Mạo Khê, công ty than Hà Lâm, công ty than Hạ Long, công ty than Đông Bắc, công ty than Dương Huy... các công ty này nằm rải rác từ Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí đến Cẩm Phả. Lực lượng lao động tại các công ty, xí nghiệp này cũng tăng lên theo năm, tính trung bình mỗi năm các công ty này tăng tới 22-33% đội ngũ lao động trong ngành than.

Nhu cầu đi du lịch của cán bộ công nhân viên trong ngành than.

Xất phát từ tính chất công việc, phần lớn cán bộ công nhân viên làm việc trong ngành than đều có nhu cầu đi du lịch, đi tham quan, nghỉ dưỡng để phục hồi sức khỏe, tái sản xuất sức lao động sau những ngày làm việc vất vả. Nhưng có lẽ điều mà thúc đẩy cán bộ công nhân viên ngành than đi du lịch chính là sự quan tâm, động viên không chỉ về mặt tinh thần mà còn về cả mặt vật chất của ban lãnh đạo các công ty, xí nghiệp đối với cán bộ công nhân viên trong ngành. Hàng năm, các công ty, xí nghiệp than thường tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, nghỉ dưỡng với những chuyến du lịch từ 2 - 3 ngày, 7 ngày thậm chí có những chuyến đi kéo dài tới 15 ngày. Vào những ngày nghỉ, các phân xưởng trong các xí nghiệp cũng tổ chức đi du lịch cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị của mình với những chuyến đi từ 1 đến 2 ngày.

Với sự quan tâm to lớn như vậy, trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành than phát triển mạnh mẽ và không ngừng tăng, tăng trưởng hàng năm đạt từ 20 - 22%. Đời sống của những người thợ mỏ và những người thân trong ngành than từng bước được nâng lên và nhu cầu vui chơi, giải trí, tham quan nghỉ dưỡng để phục hồi sức khỏe cũng được chú trọng.

Có thể nhận thấy đây là thị trường khách lớn và khá ổn định vì vậy Tiên Yên cần có những định hướng để tạo ra sự hấp dẫn và có thể thu hút được khách du lịch tại thị trường này.

3.4 Một số giải pháp để phát triển du lịch

3.4.1 Xây dựng làng văn hoá du lịch cộng đồng

Xã Đại Dực huyện Tiên Yên là nơi có nhiều đồng bào dân tộc Sán Chỉ sinh sống và còn lưu giữ được những nét văn hoá truyền thống của dân tộc. Vào những ngày đầu xuân, hàng năm tại đây đều diễn ra lễ hội văn hoá thể thao dân tộc Sán Chỉ. Nơi đây có thể xây dựng làng văn hoá cộng đồng để phục vụ hoạt động du lịch. Huyện Tiên Yên cũng như xã Đại Dực cần tuyên truyền vận động bà con xây dựng và thực hiện nếp sống văn hoá, tạo ra biến chuyển trong nhận thức của bà con. Tuyên truyền người dân tham gia vào hoạt động du lịch với ý thức bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc văn hoá. Với mục đích xây dựng thành điểm du lịch cộng đồng chính quyền xã cần tổ chức xây dựng cổng làng và sơ đồ tham quan, làm đường từ trục chính đến mỗi hộ gia đình, đưa toàn bộ chuồng trại gia súc, gia cầm ra xa nhà tạo môi trường xanh - sạch - đẹp. Bên cạnh đó xã cũng cần thành lập đội văn nghệ phục vụ du khách những điệu múa hát truyền thống của người Sán Chỉ.

3.4.2 Bảo tồn những ngôi nhà cổ ở thị trấn Tiên Yên

Trước đây thị trấn Tiên Yên là nơi cư trú của người Hoa. Hiện nay, một vài dãy phố vẫn còn giữ lại được những ngôi nhà cổ do người Hoa để lại. Nhưng có một thực tế đau lòng là các ngôi nhà cổ này đang bị chính những người chủ nhân của nó dỡ bỏ đi để thay thế bằng những ngôi nhà mới với những lối kiến trúc mới. Một số ngôi nhà chưa bị đập đi thì cũng đã được tu sửa lại với những ban công, vòm mái mới tạo nên một sự đan xen pha trộn. Bộ mặt của thị trấn được thay đổi nhưng đã dần đánh mất đi giá trị văn hoá của một thời còn may mắn sót lại. Sẽ không còn những ngôi nhà mái ngói rêu phong và những ô cửa nhìn ra bầu trời đầy nắng và gió. Sẽ không còn một phố núi cổ xưa bình yên khiến ai đi xa cũng phải nhớ về nếu như các cấp

chính quyền ở đây không có những biện pháp để bảo tồn những ngôi nhà cổ này.

Để những ngôi nhà cổ này không dần bị mất đi thì trước hết cần phải cho những người chủ của ngôi nhà thấy được giá trị văn hoá kiến trúc, thấy được ý nghĩa của việc bảo tồn và gìn giữ. Các ban ngành cũng cần có những quy định trong việc bảo tồn những ngôi nhà cổ nhưng cũng cần tạo điều kiện cho người dân vẫn có thể sinh sống mà không làm ảnh hưởng đến kiến trúc của những ngôi nhà cổ này.

3.4.3 Tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư

Hoạt động du lịch là hoạt động có tính chất liên ngành. Vì vậy để đạt được hiệu quả cao thì sự phối hợp giữa các ngành, các cấp liên quan là rất cần thiết và đảm bảo sự bền vững của ngành. Tăng cường sự liên kết hợp tác để tạo điều kiện học hỏi kinh nghiệm cũng như nhận được các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường một cách bền vững, đem lại lợi ích lâu dài.

Cần đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường, liên kết với các doanh nghiệp trong ngành để tạo sức mạnh. Chủ động bắt tay liên kết với các tập đoàn doanh nghiệp lớn, có thương hiệu mạnh để hỗ trợ phát triển. Bên cạnh đó cũng cần phải ưu tiên hợp tác khu vực để có được các điều kiện đầu tư, liên kết thị trường.

Để thu hút được nguồn vốn đầu tư thì cần phải tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn với nhiều chính sách ưu đãi như chính sách ưu tiên về đất đai, cải cách thủ tục hành chính, chính sách miễn giảm thuế trong những năm đầu cho các dự án, chính sách ưu tiên vay vốn ưu đãi...

Đặc biệt cần phải ban hành, xây dựng nhiều cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích để thu hút nhân tài, nhà khoa học, các chuyên gia làm việc cho các dự án phát triển du lịch.

3.4.4 Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng

Việc phát triển du lịch của một vùng, một địa phương, một tỉnh hay một quốc gia không thể không gắn liền với việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây là một yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển hay không phát triển của một điểm du lịch. Yếu tố này có mối quan hệ qua lại khăng khít với nguồn tài nguyên, giúp cho việc khai thác hết những tiềm năng mà bản thân nó vốn có.

Hơn thế nữa, xuất phát điểm nền kinh tế chung của huyện còn ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc và chưa tương xứng với tiềm năng của huyện do đó hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách du lịch. Vì vậy cần phải đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Vấn đề điện, nước cần được chú trọng đầu tư nâng cấp. Đảm bảo nguồn điện dồi dào và đặc biệt nguồn nước phải đảm bảo đầy đủ, sạch sẽ và hợp vệ sinh cho nhu cầu của khách du lịch. Thiếu nước hoặc nguồn nước mất vệ sinh là yếu tố gây mất niềm tin và khó chịu cho du khách nhất là trong những tháng hè nóng bức cần dùng một số lượng lớn về điện và nước. Việc điện và nước được đầu tư hoàn thiện sẽ giúp cho các ngành nghề như thủ công, tiểu thủ công có điều kiện phát triển, đem lại nhiều sản phẩm nhằm đáp ứng cho nhu cầu trong du lịch.

Vấn đề thông tin liên lạc thì cần đầu tư nhiều, chủ yếu là các trạm thông tin, điện thoại, điện báo tại các nơi du lịch, các điểm du lịch để khách có thể trao đổi thông tin một cách tốt nhất, đó là yêu cầu cần thiết mang tính xác thực trong điều kiện khoa học, công nghệ và ngành thông tin liên lạc phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới.

Song song với việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Đây được coi là yếu tố quan trọng liên quan đến thời gian lưu trú dài hay ngắn ngày của khách. Chính vì vậy cần có sự tập trung đầu tư và hoàn thiện cho hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật.

3.4.5 Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá để phục vụ du lịch

Các di tích lịch sử văn hoá nói riêng và tài nguyên nhân văn nói chung có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Tuy nhiên đặc trưng cơ bản của tài nguyên nhân văn là rất dễ bị tổn hại trước các tác động của môi trường và thiên nhiên, khó khôi phục lại được các giá trị ban đầu. Vì vậy phải có sự kết hợp hài hoà giữa khai thác và đầu tư tôn tạo nhằm giữ gìn được các bản sắc văn hoá dân tộc qua những sản phẩm du lịch.

Tài nguyên văn hoá vật thể và phi vật thể là nền tảng là cơ sở để thực hiện hoạt động du lịch. Vì vậy trước hết cần có ý thức bảo vệ, tuyên truyền giáo dục trong nhân dân có trách nhiệm bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá ở địa phương mình. Cần tăng cường mọi khả năng, kêu gọi nguồn lực vốn từ trung ương đến địa phương, từ các cơ quan hữu quan đến các tầng lớp nhân dân, từ các tổ chức trong nước đến các tổ chức nước ngoài để trùng tu tôn tạo các hạng mục, các công trình bị xuống cấp và xây dựng các hạng mục đã bị phá huỷ. Việc trùng tu phải hợp lý nhằm giữ được nét kiến trúc ban đầu, việc xây dựng mới một số công trình phải có sự hài hoà giữa kiến trúc mới và kiến trúc cũ. Đồng thời kiến trúc cũng phải không tách rời cảnh quan môi trường vì chính môi trường này lại hoà nhập tác động tới di tích và tạo ra những đặc điểm mới, những nét riêng biệt độc đáo của di tích. Nếu bị tách rời môi trường lịch sử vốn có từ khi mới xây dựng, di tích sẽ bị tước bỏ một phần giá trị và việc cảm thụ của du khách đối với di tích không còn trọn vẹn nữa.

Trong quá trình bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, các giá trị văn hoá phi vật thể phải được tôn trọng, giữ gìn giá trị văn hoá truyền thống. Việc trùng tu các di tích lịch sử văn hoá và các cổ vật phải được tiến hành kịp thời, tránh việc xuống cấp nghiêm trọng mới trùng tu, vừa gây lãng phí vừa làm giảm giá trị của di tích và cổ vật. Kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá phi vật thể trên cơ sở vừa giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống của dân tộc vừa kết hợp có trọn vẹn những tinh hoa văn hoá của nhân loại.

3.4.6 Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực du lịch

Con người là yếu tố then chốt quyết định sự thành công hay thất bại của hoạt động du lịch. Bởi vậy phải có nguồn lao động có chất lượng mới có thể tạo ra những sản phẩm hàng hoá có chất lượng. Chất lượng nguồn nhân lực bị ảnh hưởng rất lớn bởi việc tuyển dụng và sử dụng lao động đúng nguyên tắc, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và môi trường làm việc.

Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có đội ngũ chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Vì vậy cần phải chú trọng công tác giáo dục đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực du lịch.

Trong chương trình đào tạo cần coi trọng đào tạo đội ngũ quản lý nhà nước và điều hành kinh doanh theo hướng cung cấp kiến thức về du lịch, kiến thức về nhu cầu, tập quán giao tiếp và ứng xử của du khách, kỹ năng bán hàng... Đa dạng hoá các hình thức đào tạo từ gửi đi học các trường, lớp đào tạo bài bản, mở các lớp đào tạo dài hạn và ngắn hạn tại địa phương, tham quan học tập những mô hình du lịch hoạt động có hiệu quả để học hỏi kinh nghiệm cho tới đào tạo tại chỗ làm việc hay khuyến khích tự học, nghiên cứu tài liệu. Bên cạnh đó cũng cần liên kết với các cơ sở và chuyên gia đào tạo có uy tín để tổ chức đào tạo. Các đơn vị kinh doanh cũng cần có chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khoá đào tạo như bố trí thời gian, cung cấp phương tiện hay một phần kinh phí đào tạo.

Đối với đội ngũ hướng dẫn viên cần phải tập trung tuyển chọn và đào tạo nhanh lớp hướng dẫn viên dẫn đường để đáp ứng được nhu cầu của du khách trong thời gian tới. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo chính thức cho các hướng dẫn viên bản địa các kỹ năng về du lịch, đặc biệt là kiến thức về dân tộc, văn hoá, lịch sử, địa lý, môi trường và ý thức bảo vệ môi trường. Cùng với đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về phát triển kinh doanh du lịch.

3.4.7 Thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch

Để thu hút được cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động phát triển du lịch cần hỗ trợ đào tạo cộng đồng địa phương những kiến thức cơ bản

nhất về chuyên môn nghiệp vụ du lịch với khối lượng kiến thức đơn giản nhất. Cần lưu ý rằng những người dân bản địa chỉ cần được đào tạo để biết cách phục vụ khách tốt hơn chứ không phải là những nhân viên chuyên nghiệp trong các nhà hàng, khách sạn lớn từ đó tránh đặt ra những yêu cầu vượt quá khả năng của họ. Đối với khách du lịch khi đến những bản làng dân tộc họ cần nhất sự mộc mạc và mến khách chứ không quan trọng hoá nghệ thuật phục vụ khách của dân bản địa. Hơn nữa cũng cần tránh làm phai mờ, mất dần đi những bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình phát triển cộng đồng.

Không chỉ quan tâm đến công tác đào tạo mà ngành du lịch cũng cần phải đáp ứng các nhu cầu cơ sở hạ tầng tối thiểu tại các cộng đồng dân cư tổ chức hoạt động du lịch bao gồm: đường đi thuận lợi, điện lưới, nước sạch và thông tin liên lạc. Bên cạnh đó cũng cần có chính sách hỗ trợ kinh phí giúp dân bản làm du lịch như các khoản vay ưu đãi nhỏ để họ có thể chuyển nuôi gia súc ra xa nhà ở, cải tạo nhà, làm vệ sinh tự hoại, trang bị hệ thống nước nóng và chăn ga gối đệm để có thể đón khách du lịch nghỉ qua đêm. Cho dù chưa đón được khách đến nghỉ thì chính người dân sẽ được hưởng lợi, chất lượng cuộc sống của họ tốt hơn từ những hỗ trợ cải tạo này.

Việc đảm bảo lợi ích cộng đồng, làm cho người dân hiểu được giá trị của họ thu được từ phát triển du lịch, đảm bảo cuộc sống của họ thì họ sẽ tích cực ủng hộ phát triển du lịch và tự giác thực hiện các thoả thuận bảo tồn, bảo vệ môi trường. Trước khi có thể thu hút được các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ tại Tiên Yên thì mỗi người dân nơi đây phải là những thành viên tích cực nhất trong việc giữ gìn nguyên vẹn môi trường tự nhiên và bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc.

3.4.8 Tăng cường xúc tiến, quảng bá cho điểm du lịch

Để góp phần vào sự phát triển du lịch Tiên Yên, tạo dựng được một hình ảnh hấp dẫn trong lòng du khách, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư thì công tác xúc tiến, tuyên truyền quảng cáo là một nhiệm vụ tất yếu và

cần thiết. Đây thực sự trở thành một nội dung hoạt động quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Công tác tuyên truyền quảng bá phải đạt được mục tiêu đưa hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên, khí hậu và con người Tiên Yên đến với du khách trong và ngoài nước, để họ đến và ở lại với đất và con người nơi đây. Mời các chuyên gia, các hãng lữ hành lớn đến khảo sát các tuyến tham quan, khám phá những tour mới, lạ, độc đáo. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác với các tập đoàn kinh tế lớn, các tỉnh và thành phố trong và ngoài nước tới khảo sát, đầu tư phát triển du lịch. Tiến hành hoạt động liên kết xúc tiến du lịch với các tỉnh khác trong khu vực, các công ty du lịch trong cả nước. Tập trung quảng bá, xúc tiến các sản phẩm du lịch tại các điểm đến. Hoạt động xúc tiến cần đi vào chiều sâu qua việc ban hành các cơ chế, chính sách về đất đai, giải phóng mặt bằng cho các dự án có quy mô, trọng điểm.

Tiến hành tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hoá du lịch hàng năm. Ngoài ra, hàng năm nên tổ chức các cuộc thi nghiên cứu, xây dựng khẩu hiệu cho du lịch Tiên Yên để từ đó định hướng phát triển sản phẩm du lịch. Xây dựng mẫu hình ảnh ấn phẩm thông tin thống nhất để tạo thương hiệu cho du lịch Tiên Yên.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia xây dựng và thành lập hợp tác xã, các câu lạc bộ nghề truyền thống. Qua đó từng bước nâng cao tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm để tạo được lòng tin cho du khách.

Bên cạnh những hoạt động đó cần tiến hành tổ chức các đoàn phối hợp giữa huyện và các doanh nghiệp du lịch tham gia một số hội chợ, lễ hội lớn về du lịch trong nước và quốc tế. Để quảng bá xúc tiến du lịch Tiên Yên cần chuẩn bị tốt về phương tiện, trang thiết bị và các ấn phẩm quảng cáo để triển lãm, trưng bày cũng như lên lịch gặp gỡ các khách hàng quan tâm tại hội chợ.

Cần đa dạng hoá các hình thức quảng cáo, chú trọng hình thức truyền miệng và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chú trọng đối tượng

quảng cáo, đảm bảo các thông tin phong phú, hấp dẫn, đặc sắc và có thể tạo chiến dịch quảng cáo. Các kênh thông tin khác như ấn phẩm, tờ rơi, tập gấp để phát miễn phí cho du khách.

Đẩy mạnh sự phối hợp với các trung tâm thông tin du lịch ở các thành phố lớn, các hãng lữ hành lớn, các đơn vị vận tải, hàng không, đường sắt, đường bộ... Mở văn phòng đại diện du lịch ở các địa phương, tại các thị trường lớn trong nước để thực hiện các chức năng về dịch vụ lữ hành và xúc tiến tiếp thị, sử dụng một phần doanh thu từ du lịch cho hoạt động này.

Tiểu kết chương 3

Mỗi một vùng, một điểm khi tiến hành xây dựng các dự án để phát triển du lịch đều phải đề ra một số định hướng và giải pháp phù hợp với thực tế để các dự án đều có thể thực hiện được.

Đối với huyện Tiên Yên để hoạt động du lịch có thể phát triển thì cần phải có định hướng phát triển cụ thể cũng như cần phải định hướng phát triển thị trường khách du lịch. Đồng thời cũng cần tiến hành một số giải pháp như xây dựng làng văn hoá du lịch cộng đồng, bảo tồn những ngôi nhà cổ ở thị trấn Tiên Yên, tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá để phục vụ du lịch, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch, tăng cường xúc tiến quảng bá cho điểm du lịch.

KẾT LUẬN

Tiên Yên, một vùng đất mà khi gọi tên có lẽ nhiều người sẽ nghĩ ngay đến món gà đồi trứ danh mà ít ai biết rằng nơi đây cũng có những cảnh quan đẹp, những di tích ghi dấu lịch sử và một nền văn hoá độc đáo mang đậm truyền thống của ngã ba miền biên giới này.

Không ồn ào như thành phố Hạ Long, không có nhiều nhà máy công nghiệp như thị xã Cẩm Phả, không sầm uất buôn bán như thành phố Móng Cái, thị trấn Tiên Yên nằm thanh bình, yên ả bên dòng sông Tiên Yên thơ mộng. Điều đặc biệt của thị trấn này là những con đường không có vỉa hè, dãy phố của người Hoa để lại với những ngôi nhà rêu phong, cổ kính. Cách trung tâm thị trấn khoảng 10km là cảng Mũi Chùa với không khí trong lành, mát dịu của biển khơi. Ngược lên các xã Điền Xá, Hà Lâu, Phong Dụ là điệp trùng một màu xanh của núi rừng bạt ngàn. Từ trên cao nhìn xuống thung lũng xã Đại Dực là những ruộng bậc thang uốn lượn và những nếp nhà sàn cao thấp của đồng bào Sán Chi đẹp như một bức tranh.

Tiên Yên là vùng đất có nhiều dân tộc sinh sống nên đa dạng các loại hình văn hoá nghệ thuật, mang đậm bản sắc từng dân tộc, từng vùng miền. Cứ mỗi độ xuân về, trên các bản làng lại diễn ra các ngày hội với những câu hát đối, soóng cọ, hát then, sán cổ, múa dâng đèn, múa gậy. Sau hội là các trò chơi đánh đu, ném còn, đánh gụ, kéo co...những trò chơi ca ngợi sự lao động bền bỉ và ước mơ một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc.

Không chỉ có một nền văn hoá dân tộc đa dạng, đặc sắc mà nơi đây còn mang những nét văn hoá ẩm thực độc đáo, hấp dẫn. Gà Tiên Yên, bánh gặt gù, khâu nhục, miến dong, bánh chả kẹo lạc hồng... đã làm nên sự độc đáo, tinh túy và mang đậm bản sắc quê hương của ẩm thực miền đất này.

Như vậy có thể thấy Tiên Yên có nhiều tài nguyên nhưng cho đến nay những tài nguyên này vẫn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác để đưa vào phục vụ hoạt động du lịch. Chính vì thế cần đề ra những định hướng và giải

Tìm hiểu tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Ninh

pháp để Tiên Yên trở thành một điểm đến du lịch. Và du lịch trở thành một ngành mang lại hiệu quả kinh tế không chỉ cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch mà còn cho cả người dân địa phương, cho sự phát triển văn hoá xã hội của mảnh đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Thanh

Nhập môn khoa học du lịch, Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội, 2003

2. Nguyễn Minh Tuệ và nhóm các tác giả

Địa lý du lịch, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1999

3. Bùi Thị Hải Yến

Tuyển điểm du lịch Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục, 2007

Quy hoạch du lịch, Nhà xuất bản giáo dục, 2007

4. *Luật du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, 2006

5. Tuyển tập của các tác giả

Tiên Yên ngã ba miền biên giới

6. Các trang web tham khảo

[http:// www.quangninh.gov.vn//](http://www.quangninh.gov.vn//)

[http:// www.baoquangninh.vn//](http://www.baoquangninh.vn//)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	4
1.1 Quan niệm về du lịch	4
1.2 Vai trò của hoạt động du lịch trong sự phát triển kinh tế - xã hội	5
1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch.....	6
1.3.1 Tài nguyên du lịch.....	6
1.3.1.1 Khái niệm tài nguyên du lịch	6
1.3.1.2 Đặc điểm tài nguyên du lịch	7
1.3.1.3 Phân loại tài nguyên du lịch.....	8
1.3.2 Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	16
1.3.2.1 Cơ sở hạ tầng.....	16
1.3.2.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	17
1.3.2.3 Vai trò của tài nguyên du lịch	17
Tiểu kết chương 1.....	18
CHƯƠNG 2. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN TIÊN YÊN ...	20
2.1 Hoạt động du lịch ở tỉnh Quảng Ninh.....	20
2.2 Tiềm năng phát triển du lịch huyện Tiên Yên	23
2.2.1 Khái quát về huyện Tiên Yên	23
2.2.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên	25
2.2.2.1 Vị trí địa lý	25
2.2.2.2 Địa hình địa mạo	26
2.2.2.3 Khí hậu	26
2.2.2.4 Tài nguyên nước.....	28
2.2.2.5 Tài nguyên đất.....	28
2.2.2.6 Động thực vật.....	29
2.2.3 Tài nguyên du lịch nhân văn.....	29
2.2.3.1 Các di tích lịch sử văn hoá.....	29
2.2.3.2 Lễ hội truyền thống	32
2.2.3.3 Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học	34

2.2.4	Đánh giá tài nguyên du lịch huyện Tiên Yên	48
2.2.4.1	Lợi thế	48
2.2.4.1	Hạn chế.....	49
	Tiểu kết chương 2.....	49
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH		51
3.1	Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch của huyện Tiên Yên	51
3.1.1	Giao thông vận tải và thông tin liên lạc	51
3.1.2	Hệ thống cung cấp điện nước và cơ sở y tế	51
3.1.3	Cơ sở lưu trú và nhà hàng phục vụ ăn uống	52
3.1.4	Dân số và lao động.....	52
3.2	Định hướng phát triển	52
3.3	Định hướng phát triển thị trường khách du lịch.....	53
3.3.1	Thị trường khách Trung quốc	53
3.3.2	Thị trường khách là tập đoàn than khoáng sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	55
3.4	Một số giải pháp để phát triển du lịch.....	56
3.4.1	Xây dựng làng văn hoá du lịch cộng đồng.....	56
3.4.2	Bảo tồn những ngôi nhà cổ ở thị trấn Tiên Yên.....	56
3.4.3	Tăng cường hợp tác và kêu gọi vốn đầu tư.....	57
3.4.4	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng	57
3.4.5	Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá để phục vụ du lịch	59
3.4.6	Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực du lịch.....	59
3.4.7	Thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch	60
3.4.8	Tăng cường xúc tiến, quảng bá cho điểm du lịch	61
	Tiểu kết chương 3.....	63

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC



Lễ hội văn hoá thể thao dân tộc Sán Chí



Thi đồ xôi Ngũ sắc



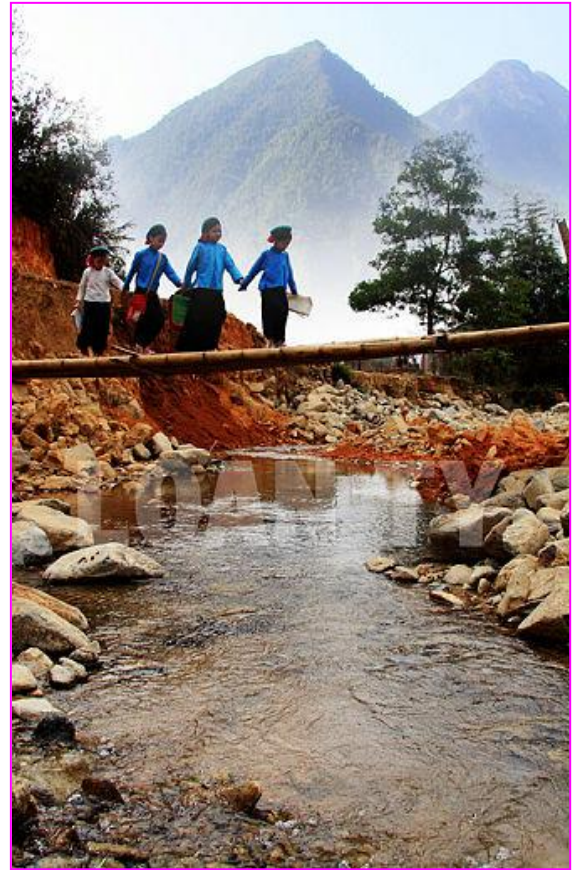
Sông Tiên Yên



Chợ Tết



Xã đảo Đông Rui



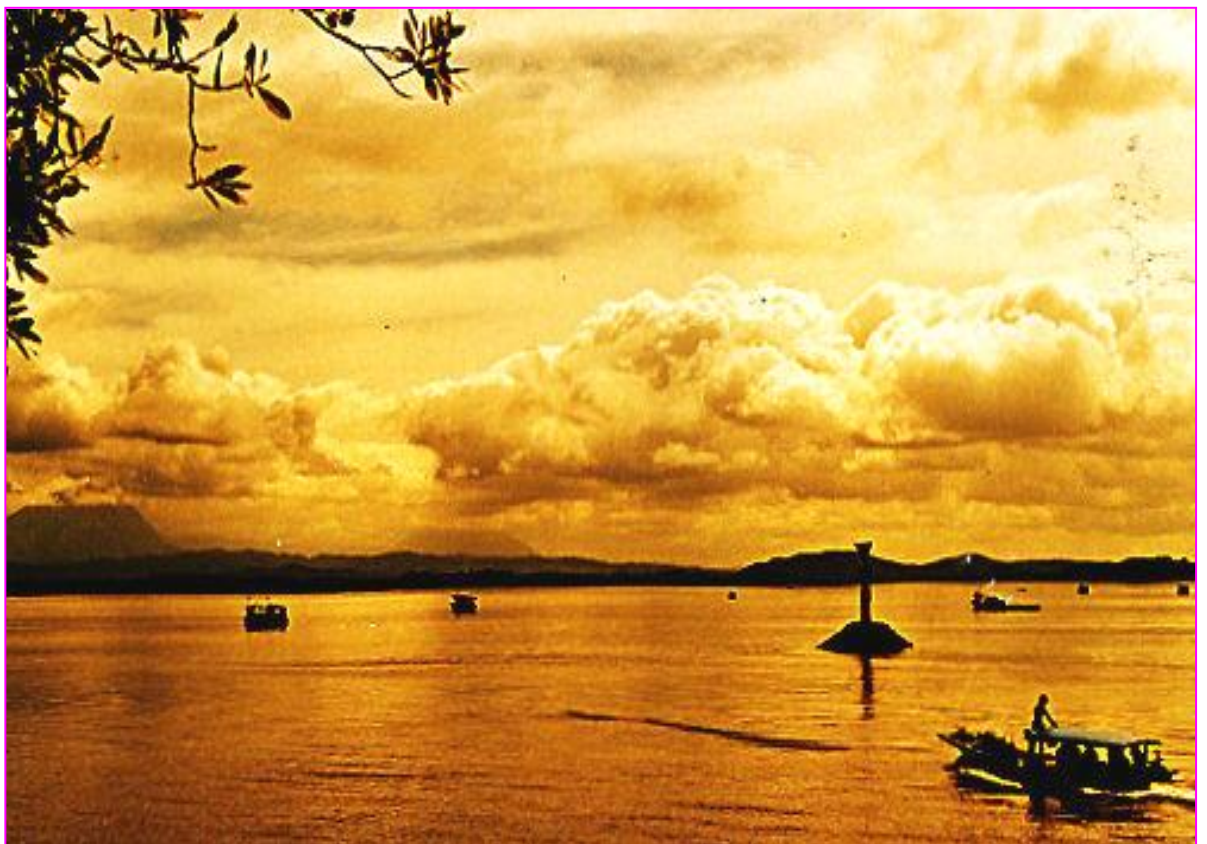
Đồng bào dân tộc Sán Chỉ



Nhà của người Sán Chỉ



Cầu treo Hà Lô



Cửa biển Tiên Yên